

QUYỀN I – KHOA HỌC

Tác giả xin kính dâng bộ sách này cho Hội Thông Thiên Học, được sáng lập ở New York, năm 1875 sau Công nguyên, ĐỂ HỘI NGHIÊN CỨU NHỮNG ĐỀ TÀI MÀ BỘ SÁCH BÀN TỚI.

CHƯƠNG VIII

MỘT SỐ ĐIỀU BÍ NHIỆM CỦA THIÊN NHIÊN

- Liệu các hành tinh có ảnh hưởng tới số phận của con người chăng?
- Đoạn văn rất kỳ bí của Hermes.
- Vật chất không chịu đứng yên.
- Lời tiên tri của Nostradamus đã hoàn thành.
- Sự đồng cảm giữa các hành tinh và cây cối.
- Ấn Độ có biết tới các tính chất của màu sắc.
- “Những điều trùng hợp” là phương thuốc trị bá bệnh của khoa học hiện đại.
- Mặt trăng và thủy triều.
- Những rối loạn về đạo đức và tâm trí lan tràn như bệnh dịch.
- Chư thần trong đền thờ Chư Thần chỉ là các lực thiên nhiên.
- Bằng chứng về quyền năng pháp thuật của Pythagoras.
- Các chủng loại vô hình của không gian tinh vi.
- “Tứ diệu đế” của Phật giáo.

“Đừng nghĩ các pháp thuật phép lạ của ta được thực hiện nhờ có sự trợ giúp của chư thần ở Nại hà được triệu thỉnh lên từ Địa ngục.

Chúng bị khinh bỉ và nguyên rủa bởi những kẻ nào đã thử cưỡng chế đám Thần quỷ u ám ở Nại hà.

Nhưng khi nhận thức được các quyền năng bí nhiệm của nước suối khoáng trong những góc ngách khuất nẻo nhất của thiên nhiên, của thảo dược núp sau tấm màn trong lòng xanh ngắt của thiên nhiên, và của những ngôi sao đang chuyển động bên trên đỉnh núi và tháp cao”.

TASSO, Canto XIV, xliii

“Kẻ nào dám nghĩ *một* đấng rồi nói *một* nẻo, thì lòng ta ghét y như ghét cánh cổng Địa ngục!” GIÁO HOÀNG

Nếu con người không còn tồn tại nữa khi y biến mất vào năm mỗ thì bạn bắt buộc phải khẳng định rằng y là tạo vật duy nhất tồn tại mà thiên nhiên hoặc thiên hựu đã hạ cố lừa gạt và lừa bịp bằng những năng lực mà chẳng vì một mục tiêu sẵn có nào.”

BULWER LYTTON : *Câu chuyện Kỳ lạ.*

Lời nói đầu trong tác phẩm mới nhất về thiên văn học của Richard A. Proctor tựa đề *Vị trí của chúng ta trong Vô tận*, có chứa những lời lẽ dị thường sau đây: “Vì không biết tới vị trí của trái đất trong vô tận cho nên cổ nhân mới coi các thiên thể là chủ trì một cách thuận lợi hoặc bất lợi đối với vận mệnh của con người và các quốc gia, và cổ nhân mới dành ra từng tập hợp 7 ngày trong tuần để cho 7 hành tinh trong hệ thống chiêm tinh học”.

Ông Proctor đưa ra hai lời quả quyết riêng rẽ trong câu trên: (1). Cổ nhân không biết tới vị trí của trái đất trong vô tận, và (2). Cổ nhân coi các thiên thể là

chủ trì vận mệnh của con người và quốc gia một cách thuận lợi và bất lợi ^[1]. Chúng tôi rất tin tưởng rằng ít ra cũng có đủ lý do để ngờ vực việc cổ nhân quen thuộc với các chuyển động, vị trí và sự tương quan của các thiên thể. Chứng nhận của Plutarch, Giáo sư Draper và Jowett cũng minh giải rồi. Nhưng chúng tôi xin hỏi ông Proctor nó xảy ra như thế nào, nếu các nhà thiên văn thời xưa không biết gì về định luật sinh thành hoại diệt của các thể giới mà trong những mảnh vụn do bàn tay thời gian để dành cho chúng ta về kho kiến thức thời xưa thì vẫn có quá nhiều thông tin – mặc dù được che giấu trong một thứ ngôn ngữ mơ hồ – mà các phát hiện mới đây nhất của khoa học đã minh chứng? Khi bắt đầu với trang 10 của tác phẩm nêu trên, ông Proctor đã phác họa cho chúng ta thuyết về sự tạo lập ra trái đất cùng với những sự biến đổi liên tiếp mà nó đã trải qua cho tới khi con người có thể ở trên trái đất. Bằng một sắc thái sống động, ông miêu tả sự tích tụ dần dần của vật chất vũ trụ thành ra những quả cầu thể hơi được bao xung quanh bằng “một lớp vỏ chất lỏng không bền”, sự ngưng tụ của hai thứ trên; cuối cùng là lớp vỏ bên ngoài rắn chắc lại, khối vật chất đó từ từ nguội đi; những tác dụng hóa học do tác động của nhiệt dữ dội lên trên vật chất của trái đất thời nguyên khai; đất đai được tạo lập và phân bố ra; thành phần cấu tạo của khí quyển thay đổi; đời sống của thực vật và động vật xuất hiện; và cuối cùng là con người xuất hiện.

Bây giờ ta hãy quay sang những tài liệu ghi chép xưa nhất mà người Chaldea còn để lại cho ta, quyển *Thánh thư về Số* của Hermes ^[2] để xem ta sẽ tìm ra được điều gì trong ngôn ngữ ẩn dụ của Hermes, Kadmus hoặc Thuti; ba lần vĩ đại Trismegistus. “Thoạt khởi đầu đấng cao cả vô hình nằm trong bàn tay thánh thiện của mình đầy vật chất thiên giới mà ngài rải rắc khắp cõi vô tận và xem kìa! Nó trở thành những quả cầu lửa và quả cầu bằng đất sét; chúng tung tóe giống như kim loại bị chảy lỏng ^[3] ra thành nhiều quả cầu nhỏ hơn, rồi bắt đầu xoay tròn không ngừng; thế là một số quả cầu lửa biến thành quả cầu đất sét; còn quả cầu đất sét biến thành quả cầu lửa; có những quả cầu lửa đang chờ thời để trở thành quả cầu đất sét; lại có những quả cầu đất sét ganh tị và chờ thời để trở thành quả cầu lửa thiêng liêng thuần khiết”.

Liệu có ai yêu cầu một định nghĩa rõ rệt hơn về những biến đổi trong vũ trụ mà ông Proctor đã trình bày một cách thanh nhã xiết bao?

Ở đây chúng ta có vật chất được phân phối khắp cả không gian; thế rồi nó tụ tập lại thành ra dạng hình cầu; các quả cầu lớn tách ra thành những quả cầu nhỏ hơn, chúng quay tròn xung quanh trục, các tinh cầu dần dần biến từ trạng thái cháy nóng đỏ ra thành trạng thái rắn chắc như đất và cuối cùng việc mất hết nhiệt đánh dấu việc chúng nhập vào giai đoạn tiêu vong của hành tinh. Các nhà duy vật ắt hiểu việc biến quả cầu đất sét thành quả cầu lửa biểu thị một số hiện

^[1] Chúng ta cần truy nguyên tới tận xa xưa mới chắc chắn rằng nhiều vĩ nhân cũng tin tưởng như thế. Nhà thiên văn học xuất sắc Kepler hoàn toàn tin theo ý tưởng cho rằng các ngôi sao và mọi thiên thể, thậm chí cả trái đất của ta nữa cũng đều được phú cho các linh hồn sống động và biết suy tư.

^[2] Chúng tôi chẳng biết có một bản sao của tác phẩm cổ truyền này có mặt trong danh mục của bất kỳ thư viện Âu Tây nào không; nhưng đó là một trong các “Thánh thư Hermes” và những tác phẩm của một số tác giả triết học thời cổ đại và trung cổ đều tham chiếu và trích dẫn từ Thánh thư ấy. Trong số những tác phẩm có thẩm quyền này ta thấy có “triết lý về Hoa Hồng” của Arnolando di Villadova; “Công trình khai sáng về đá” của Francesco Arnolpim; “Luận về thuật chuyển hóa kim loại và ngọc bích biểu” của Hermes Trismegistus; nhất là bộ khảo luận của Raymond Lulli: “Công trình thiêng liêng về năm bản thể của thiên thần”.

^[3] Thủy ngân.

tượng như việc thành linh cháy rực của ngôi sao trong chòm sao Cassiopeia vào năm 1.572 sau Công nguyên và một ngôi sao khác trong chòm sao Thiên Xà vào năm 1.604 mà Kepler có lưu ý. Nhưng liệu trong cách diễn tả này người Chaldea có chứng tỏ được một triết lý sâu sắc hơn thời nay chăng? Liệu việc biến thành quả cầu "lửa thiêng liêng" thuần khiết có nghĩa là một tình trạng tồn tại liên tục của hành tinh tương ứng với sự sống tinh thần của con người chăng, vượt ngoài vòng dễ sợ của sự chết? Nếu theo lời các nhà thiên văn, các thế giới cũng có thời kỳ phôi thai, ấu thơ, niên thiếu, trưởng thành, suy vi và tiêu vong thì liệu chúng có thể tồn tại liên tục giống như con người dưới một dạng tâm linh tinh vi hoặc tinh anh hay chăng? Các pháp sư khẳng định điều đó. Họ bảo ra rằng bà mẹ Trái đất mẫn con cũng phải chịu theo những định luật giống theo những đứa con của mình. Vào một lúc đã định bà sinh ra mọi tạo vật; đến lúc hết thời thì bà thu gom chúng vào ngôi mồ của các thế giới. Cơ thể vật chất thô trước của bà dần dần chia tay với các nguyên tử theo một định luật khắc khe đòi hỏi chúng phải sắp xếp lại mới mẻ thành ra những tổ hợp khác. Tinh thần làm linh hoạt đã được hoàn thiện của chính bà cũng tuân theo sức hút vĩnh hằng rút nó về mặt trời tinh thần trung ương mà nó đã thoát thai từ đấy và chúng ta mơ hồ biết tới với tên gọi là THƯỢNG ĐẾ.

"Và bầu trời được nhìn thấy qua bảy vòng tròn, các hành tinh xuất hiện với đủ mọi dấu hiệu có dạng ngôi sao; các ngôi sao chia chẻ ra và có số lượng khớp với các tinh quân ngự nơi chúng; lộ trình *xoay vòng* của chúng được *không khí* bao phủ diễn tiến theo hình tròn do tác nhân của TINH THẦN thiêng liêng ^[1].

Chúng tôi thách thức bất cứ ai vạch ra được chỉ một đoạn trong tác phẩm của Hermes cho thấy ông phạm tội mà đỉnh cao vô lý của Giáo hội La mã đã mắc phải, tức là thuyết địa tâm trong thiên văn học, hoặc là việc các thiên thể được tạo ra để phục vụ cho ta được vui hưởng khiến cho con duy nhất của Chúa Trời phải mất công giáng sinh nơi hạt bụi của vũ trụ này rồi xả thân chuộc tội thay cho chúng ta! Ông Proctor nói với ta, với một lớp vỏ chất lỏng không bền làm bằng vật chất chưa ngưng tụ bao quanh một "đại dương dẻo như kẹo", bên trong đó có "một khối cầu rắn chắc khác đang xoay vòng". Về phần mình thì chúng tôi quay sang tác phẩm *Pháp thuật của Adam* của tác giả Eugenius Philalethes, xuất bản năm 1.650; chúng tôi thấy ở trang 12, ông có trích dẫn lời lẽ sau đây của Hermes ba lần vĩ đại: "Hermes quả quyết rằng *thoạt khởi thủy* thì trái đất chỉ là một vũng lầy giống như một loại sữa đang run rẩy, nó chẳng qua chỉ là *nước ngưng tụ lại* do tinh thần thiêng liêng ấp ủ bằng nhiệt; *cum adhuc* (sayeth he) *Terra tremula esset, Lucente sol compacta esto.*"

Cũng trong tác phẩm đó, Philalethes đã nói theo một kiểu biểu tượng kỳ quặc như sau: "Trái đất vốn vô hình đối với linh hồn tôi và hơn nữa *mắt người* không bao giờ *thấy được trái đất* và nếu không có *pháp thuật* thì ta không thể *thấy* được nó. *Bí quyết lớn nhất* của *pháp thuật* chính là việc làm cho *hành này trở nên vô hình*. . . Còn về phần cái *vật thể* thô trước *bỏ như bột* mà chúng ta *bước trên đó* thì nó chỉ là một thứ phân hữu cơ hỗn hợp chứ không phải là đất *nhưng có chứa đất trong đó*. . . Tóm lại mọi *hành* đều *hữu hình* ngoại trừ *một hành* là *địa* và khi bạn đã đạt đến mức *hoàn thiện* khiến cho bạn biết được tại sao *Thượng Đế* lại giấu kín *địa* đi ^[2] thì bạn ắt có được một phương tiện tuyệt hảo

^[1] Tác phẩm "Hermes", iv, 6. Ở đây Tinh thần của nghĩa là Đấng thiêng liêng – tức Thần khí.

^[2] "Pháp thuật của Adam", trang 11.

để biết được *Chính Thượng Đế*, Ngài *hữu hình* ra sao và *vô hình* như thế nào" ^[1]. Biết bao nhiêu thời đại trước khi các nhà bác học thế kỷ 19 chào đời thì một người minh triết ở phương Đông đã diễn tả như sau khi đề cập tới Thượng Đế vô hình: "Đó là vì Bàn tay đầy Quyền năng của Ngài đã tạo nên thế giới *vật chất vô hình*" ^[2].

Còn nhiều điều nữa trong ngôn từ này mà chúng tôi sẵn lòng giải thích nhưng chúng tôi xin nói rằng bí mật ấy rất đáng mưu tìm; có lẽ trong cái loại vật chất vô hình ấy (đặt *tiền Adam*) có chứa đựng một "mãnh lực" mà quý ông Tyndall và Huxley ắt hẳn hoan được làm quen.

Nhưng đi từ cái chung xuống cái riêng, từ thuyết xưa cũ về sự tiến hóa của hành tinh tới sự tiến hóa của đời sống thực vật và động vật (ngược lại với thuyết sáng tạo đặc biệt) liệu ông Proctor phải biết gọi ngôn ngữ sau đây của Hermes ra sao nếu không phải là một sự tiên liệu thuyết hiện đại tiến hóa về giống loài? "Khi Thượng Đế đã vun đầy bàn tay quyền năng của mình bằng những sự vật có trong thiên nhiên và bao quát thiên nhiên để rồi khép kín chúng trở lại thì ngài bảo rằng: "Hỡi đất thánh thiện, hãy tiếp nhận mọi thứ từ ta. Người được lệnh phải là *mẹ của muôn loài* để cho người chẳng thiếu một thứ gì, khi bây giờ mở bàn tay ra, nó trở thành một vị Thượng Đế, ngài tuôn xuống mọi thứ cần thiết để tạo nên mọi vật". Ở đây ta có vật chất nguyên thủy thẩm nhuần "lời hứa hẹn và

^[1] *Người ta giả định vô căn cứ rằng cổ nhân không biết trái đất hình cầu*. Chúng tôi có sự thật về bằng chứng ấy không? Chỉ những người viết văn mới phô bày một sự dốt nát như thế. Ngay cả mãi xa xưa từ thời Pythagoras, người Ngoại đạo đã dạy điều đó, Plutarch chứng nhận nó và Socrates chết vì nó. Hơn nữa như chúng tôi đã nhiều lần lặp lại, mọi tri thức đều được tập trung vào thánh điện trong đền thờ và nó rất hiếm khi được phổ biến từ đó cho những người chưa được điểm đạo. Nếu các nhà hiền triết và tu sĩ thời xa xưa nhất không biết tới hiện tượng thiên văn này thì làm sao họ biểu diễn Kneph, chơn linh vào *giờ đầu tiên* với một cái trứng đặt trên môi ông, cái trứng nghĩa là quả địa cầu mà ông phả sinh khí cho nó. Và lại, nếu do khó khăn khi tham chiếu "Thánh thư về Số" của người Chaldea mà những người phê bình chúng tôi đòi hỏi phải trích dẫn những nhân vật có thẩm quyền khác thì chúng tôi xin họ tham chiếu Diogene Laertius, ông tin rằng Manetho đã dạy trái đất có hình trái banh. Hơn nữa, cũng tác giả ấy, có lẽ trích dẫn từ "Toát yếu Vật lý học" đưa ra những phát biểu sau đây về giáo lý của Ai Cập: "Khởi đầu là vật chất và từ vật chất tách ra tứ đại . . . không ai biết được chân tướng của Thượng Đế, nhưng thế giới có lúc bắt đầu và do đó có sự hủy diệt. Mặt trăng bị nguyệt thực khi nó băng qua bóng đen của trái đất". (Diogenes Laertius, tác phẩm "Proœin", các tiết 10-11). Và lại người ta tin rằng Pythagoras đã dạy trái đất hình tròn và nó xoay tròn, đó chẳng qua chỉ là một hành tinh giống như bất kỳ thiên thể nào khác (Xem "Cuộc đời của các Triết gia", tác giả Fenelon). Trong những bản dịch mới nhất về Plato (tác phẩm "Các đối thoại của Plato" do Giáo sư Jowett dịch) khi dẫn nhập về tác phẩm "Timæus" mặc dù "rất tiếc lại nghi ngờ" do việc từ ngữ . . . có thể được dịch là "bao quanh" hoặc "bị nén ép lại", tác giả cảm thấy có khuynh hướng tin rằng Plato đã quen thuộc với việc trái đất xoay vòng. Học thuyết của Plato được diễn tả qua những lời lẽ sau đây: "Trái đất vốn là bảo mẫu của ta (bị nén lại hoặc) *quay vòng* xung quanh cực vốn trải dài ra khắp vũ trụ". Nhưng nếu ta tin theo Proclus và Simplicius thì Aristotle hiểu rằng từ ngữ này trong tác phẩm "Timæus" có nghĩa là "bao quanh hoặc xoay tròn" (De Cœlo) và bản thân ông Jowett thừa nhận thêm rằng "Aristotle gán cho Plato học thuyết về trái đất xoay vòng" (Xem quyển ii trong tác phẩm "Các cuộc đối thoại của Plato". Dẫn nhập vào tác phẩm "Timæus", trang 501-501). Ít ra thì cũng không bình thường khi Plato vốn là người hâm mộ Pythagoras và với cương vị một điểm đạo đồ chắc chắn phải tiếp cận được với những giáo lý bí mật nhất của bậc vĩ nhân ở Samos, thế mà ông lại chẳng biết gì về một sự thật thiên văn sơ cấp.

^[2] "Minh triết của Solomon", xi.17

mãnh lực của mọi dạng sự sống trong tương lai”, người ta tuyên bố rằng đất là bà mẹ tiền định của vạn vật từ nay sẽ sinh ra trong lòng đất.

Ngôn ngữ của Marcus Antoninus trong bài tường trình với chính mình còn rõ ràng hơn nữa: “Thiên nhiên trong vũ trụ chẳng có gì thích thú hơn là việc làm biến đổi vạn vật để cho chúng trình hiện dưới một dạng khác. Nó kiêu ngạo chơi trò này rồi lại bắt đầu chơi trò khác. Trước mắt nó vật chất chỉ giống như một mẫu sáp mà nó uốn nắn thành đủ mọi hình dạng và hình tướng. Ba hồi thì nó tạo ra *một con chim rồi từ con chim biến thành con thú*; ba hồi tạo ra một *đóa hoa* rồi từ đó thành ra một con ếch; nó vui thú với trò chơi biểu diễn pháp thuật của chính mình cũng giống như con người vui thú với những điều hoang tưởng của chính mình”^[1].

Trước khi bất kỳ vị giáo sư thời nay nào của ta nghĩ tới sự tiến hóa thì thông qua Hermes, cổ nhân đã dạy ta rằng trong thiên nhiên không có điều gì có thể là đột ngột; nó chẳng bao giờ diễn biến theo kiểu đột biến, mọi thứ công trình của nó đều từ từ và hài hòa chứ không có điều gì bất thành linh thậm chí cũng chẳng có bất đắc kỳ tử.

Việc phát triển từ từ xuất phát từ những hình tướng đã tồn tại trước đó vốn là một giáo lý của các bậc Giác ngộ thuộc phái Hoa hồng Thập tự. Tác phẩm *Bà mẹ* chỉ cho Hermes thấy sự tiến bộ bí nhiệm trong công trình của họ trước khi ba bà của môn đồ Hoa hồng Thập tự hạ cố tiết lộ mọi điều cho các nhà luyện kim đan thời trung cổ. Thế mà theo thuật ngữ trong phái Hermes thì ba bà mẹ này là biểu tượng của ánh sáng, nhiệt và điện hoặc từ; điện và từ có thể chuyển hóa lẫn nhau cũng giống như toàn thể các lực hoặc tác nhân có một vị trí mà người ta gán cho chúng trong thuyết “tương quan lực” thời nay. Synesius đề cập tới những quyển sách bằng đá mà ông tìm thấy trong đền thờ Memphis trên đó có khắc câu sau đây: “Một bà mẹ *thiên nhiên* vui mừng với bà mẹ khác, một bà mẹ thiên nhiên thẳng lướt được bà mẹ khác, một bà mẹ thiên nhiên trấn áp một bà mẹ khác, thế mà cả ba bà chỉ là *một*.”

Bản chất náo loạn cố hữu của vật chất được thể hiện qua câu nói của Hermes: “Tác động là sự sống của Phta” và Orpheus gọi thiên nhiên là “bà mẹ tạo ra nhiều điều” tức là một bà mẹ tài khéo, biết xoay sở để sáng chế.

Ông Proctor có nói: “Mọi điều vốn có ở trên bề mặt và bên trong quả đất, mọi hình tướng thực vật và động vật, cơ thể của ta, bộ óc của ta đều được tạo thành từ vật liệu rút ra nơi không gian sâu thẳm bao xung quanh ta mọi phía”. Môn đồ phái Hremes và sau này môn đồ phái Hoa hồng Thập tự đều cho rằng vạn vật hữu hình và vô hình đều được tạo thành do sự tranh chấp giữa ánh sáng với bóng tối, mọi hạt vật chất đều chứa bên trong mình một điểm linh quang bản thể thiêng liêng, tức là ánh sáng, *tinh thần* – do bản thể ấy có khuynh hướng giải thoát mình ra khỏi những vướng mắc để trở về cội nguồn trung tâm, cho nên nó mới tạo ra sự vận động của các hạt, và do các hạt vận động thì hình tướng mới nảy sinh ra. Hargrave Jennings có trích dẫn Robertus di Fluctibus nói như sau: “Thế là mọi khoáng chất trong điểm linh quang này đều có khả năng sơ khai trở thành cây cỏ với các cơ thể tăng trưởng; thế rồi mọi loài cây cỏ lại có những cảm giác sơ khai mà trải qua bao nhiêu thời đại có thể khiến cho chúng hoàn thiện và biến hóa các tạo vật mới thành ra những đầu máy xe lửa, có cấp độ cao hơn hoặc thấp hơn, hoặc có chức năng thanh cao hơn hoặc thấp hèn hơn; thế là mọi loài cây cỏ, mọi thực vật đều có thể đi theo những rẽ bên để nhập vào những đại lộ có thể nói là nổi bật hơn để tiến tới trước một cách độc lập và hoàn chỉnh hơn, khiến cho điểm linh quang nguyên thủy có thể bành trướng và rộn ràng với một

^[1] Eugenius Philalethes, tác phẩm “Pháp thuật của Adam”.

lực cao siêu hơn và sinh động hơn, dẫn bước với một chủ đích phong phú hơn và được hiểu rõ hơn; tất cả đều được tiến hành theo ảnh hưởng của hành tinh được điều động bởi các chơn linh (tác nhân) vô hình của kiến trúc sư vĩ đại nguyên thủy”^[1].

Ánh sáng vốn được *Sáng thế ký* nhắc tới đầu tiên, thì các môn đồ kinh Kabalah gọi nó là Sephira, tức *Trí tuệ* Thiên liêng, mẹ của chư Sephiroth, còn cha là *Minh triết Ẩn tàng*. Ánh sáng sinh ra đầu tiên là phân thân đầu tiên của Đấng Tối Cao và nhà Phúc âm có nói rằng Ánh sáng là Sự Sống. Cả hai đều là điện, tức nguyên sinh khí, *hồn thể giới*, thẩm nhuần vũ trụ, làm cho vạn vật linh hoạt lên nhờ điện. Ánh sáng là vị pháp sư thiên biến vạn hóa vĩ đại, tuân theo Ý chí Thiên liêng của kiến trúc sư, các đợt sóng thiên hình vạn trạng và toàn năng của nó sinh ra mọi hình tượng cũng như mọi sinh linh. Do nó bành trướng trong lòng của điện mà *vật chất* và *tinh thần* mới nảy sinh ra. Bên trong các chùm tia ánh sáng ẩn chứa khởi nguyên của mọi tác động vật lý và hóa học cũng như mọi hiện tượng tâm linh trong vũ trụ, nó làm linh hoạt rồi lại giải thể, nó mang lại sự sống và tạo ra sự chết; từ điểm nguyên thủy của nó hằng hà sa số thể giới bao gồm các thiên thể hữu hình và vô hình mới dần dần xuất lộ tồn tại. Chính nơi các tia của bà mẹ *Bản sơ*, tam vị nhất thể mà Thượng Đế (theo Plato) mới “thắp sáng lên một ngọn lửa giờ đây được ta gọi là mặt trời”^[2], đó *không phải* là nguyên nhân của ánh sáng hoặc nhiệt mà chỉ là tiêu điểm hoặc có thể nói là thấu kính, nhờ vào đó các tia sáng nguyên thủy mới thể hiện ra được và tập trung vào Thái dương hệ của ta để tạo ra mọi tương quan lực.

Ta đã bàn khá nhiều về đề xuất thứ nhất của ông Proctor, bây giờ ta hãy xét tới đề xuất thứ nhì.

Tác phẩm mà ta đang quan tâm bao gồm một loạt 12 bài tiểu luận, trong đó bài tiểu luận cuối có tựa đề là *Suy nghĩ về Chiêm tinh học*. Tác giả bàn về đề tài này một cách khá cân nhắc hơn nhiều so với tập quán của những người thuộc giai cấp ông. Hiển nhiên là ông đã chú ý suy tư nhiều về nó. Thật vậy, ông đã tiến xa tới mức dám bảo rằng: “Nếu xem xét vấn đề cho đúng thì chúng ta ắt phải thừa nhận rằng trong số mọi sai lầm mà con người mắc phải khi muốn thâm nhập vào tương lai thì Chiêm tinh học là môn học khả kính nhất, thậm chí ta có thể nói rằng đó là môn học hợp lý nhất”^[3].

Ông công nhận rằng: “Các thiên thể có *chủ trì* vận mệnh của con người và quốc gia một cách không thể sai lầm, xét vì nếu không có ảnh hưởng điều tiết đầy phúc lợi của đấng trị vì các tinh cầu này – mặt trời – thì mọi sinh vật trên trái đất bị diệt vong hết”^[4]. Ông cũng công nhận ảnh hưởng của mặt trăng và thấy chẳng có gì kỳ lạ khi cổ nhân lý luận bằng phép tương đồng cho rằng nếu hai thiên thể này mà có ảnh hưởng mạnh mẽ đến trái đất thì cũng “tự nhiên thôi nếu cổ nhân nghĩ rằng các thiên thể chuyển động mà mình đã biết cũng có những quyền năng đặc biệt”^[5]. Thật vậy, giáo sư thấy chẳng có gì là vô lý khi cổ nhân giả định rằng ảnh hưởng do các hành tinh chuyển động chậm “thậm chí có thể còn mạnh mẽ hơn ảnh hưởng của chính mặt trời”. Ông Proctor nghĩ rằng người ta đã lập nên hệ thống chiêm tinh học “một cách từ từ và có lẽ là ướm thử”. Người ta có thể suy ra một số ảnh hưởng từ những diễn biến đã quan sát được, số phận của ông vua hoặc vị thủ lĩnh này họ đã dẫn dắt các chiêm tinh gia

[1] Hargrave Jennings, tác phẩm “Các môn đồ Hoa hồng Thập tự”.

[2] Tác phẩm *Timæus*.

[3] Tác phẩm “Vị trí của chúng ta giữa Vô tận”, trang 313.

[4] Như trên.

[5] Như trên, trang 314.

tới việc gán những ảnh hưởng đặc thù cho những thể chiếu hành tinh vốn được trình hiện vào lúc người đó sinh ra đời. Những ảnh hưởng khác có thể sáng chế ra và sau đó được mọi người chấp nhận vì đã được xác nhận do một số *sự trùng hợp ngẫu nhiên kỳ diệu* nào đó.

Một lời đùa giỡn nghe có vẻ rất xuôi tai, ngay cả trong một bộ khảo luận bác học và từ ngữ “trùng hợp ngẫu nhiên” có thể được áp dụng cho bất cứ điều gì mà chúng ta không sẵn lòng chấp nhận. Nhưng nguy hiểm đâu có phải là điều đúng sự thật sáo mòn và lại càng không phải là một chứng minh bằng toán học, chỉ có chứng minh toán học ít ra mới được dùng làm ngọn hải đăng dẫn đường cho các nhà thiên văn. Chiêm tinh học là một khoa học *cũng không thể sai lầm* giống như bản thân thiên văn học, tuy nhiên với điều kiện là những người thuyết giải chiêm tinh cũng phải không thể sai lầm, và chính cái điều kiện *tiên quyết* này (vốn khó thực hiện xiết bao) đã luôn luôn tỏ ra là một hòn đá làm cho cả chiêm tinh học lẫn thiên văn học đều vấp ngã. Chiêm tinh học đối với thiên văn học chính xác cũng giống như tâm lý học đối với sinh lý học chính xác. Thông qua Chiêm tinh học và Tâm lý học người ta phải bước ra khỏi thế giới vật chất hữu hình để nhập vào địa hạt của tinh thần siêu việt. Đó chính là cuộc đấu tranh xưa cũ giữa các trường phái Plato và Aristotle, và đâu phải đợi tới thế kỷ đa nghi của các môn đồ phái Sadducee thì trường phái Plato mới chiếm ưu thế hơn trường phái Aristotle. Xét về năng lực chuyên nghiệp của mình, ông Proctor cũng giống như kẻ thiếu nhân từ trong Bài giảng trên Núi, y sẵn lòng thu hút sự chú ý của công luận tới hạt bụi trong mắt của người lân cận bị khinh bỉ và bỏ qua cái xà nhà trong mắt của chính mình. Nếu chúng ta ghi nhận những thất bại và những lỗi lầm lỗi bịch của các nhà thiên văn thì chúng ta e rằng các lỗi lầm ấy còn nhiều hơn hẳn so với các lỗi lầm và thất bại của chiêm tinh gia. Những diễn biến hiện nay đã minh chứng hoàn toàn cho Nostradamus vốn bị những kẻ đa nghi chế nhạo rất nhiều. Trong một quyển sách xưa cũ mang tính tiên tri được xuất bản vào thế kỷ 15 (ấn bản năm 1453), chúng tôi đọc thấy đoạn sau đây trong số nhiều điều tiên đoán về chiêm tinh khác: ^[1]

“Trong vòng hai lần 200 năm nữa con Gấu
 Và Trăng lưỡi liềm sẽ tấn công;
 Nhưng nếu con gà Trống và con Bò mộng liên kết lại với nhau,
 Thì con Gấu sẽ không thắng được;
 Lại trong vòng hai lần 10 năm nữa -
 Mong sao Hồi giáo sẽ biết và e sợ -
 Thập tự giá sẽ đứng vững, còn Trăng lưỡi liềm sẽ mờ nhạt đi
 Tan rã rồi biến mất”.

Chỉ trong vòng hai lần 200 năm từ ngày tiên tri ấy, chúng ta thấy có trận chiến tranh ở Crime, trong đó con Gà Trống nước Pháp xứ Galle đã liên minh với con Bò mộng nước Anh để can thiệp vào những thiết kế chính trị con Gấu nước Nga. Năm 1.856, chiến tranh kết thúc và nước Thổ nhĩ kỳ tức Trăng lưỡi liềm hú hồn vì thoát khỏi sự diệt vong. Cho đến năm nay (1.876), những diễn biến bất ngờ nhất về mặt chính trị vừa mới xảy ra và *hai lần 10 năm* đã trôi qua từ khi hòa bình được tuyên cáo. Mọi chuyện dường như đều trả lại công bằng cho việc

^[1] Thư viện của một thân quyến tác giả có một bản sao ấn bản bằng tiếng Pháp của các phẩm độc nhất vô nhị này. Những lời tiên tri được trình bày bằng tiếng Pháp cổ và học viên tiếng Pháp hiện đại rất khó lòng mà giải mã được nó. Vì vậy, chúng tôi trình bày một bản dịch tiếng Anh nghe nói được rút ra từ một quyển sách thuộc về quyền sở hữu của một quý tộc ở Somersetshire nước Anh.

hoàn tất lời tiên tri xưa cũ; tương lai sẽ cho ta biết liệu Trăng lưỡi liềm Hồi giáo (quả thật dường như đã *mờ nhạt* đi) có dứt khoát “mờ nhạt, tan rã và biến mất” do hậu quả của những xáo trộn hiện nay hay chẳng.

Để giải thích những sự kiện dị giáo mà mình dường như đã gặp phải trong khi theo đuổi kiến thức, trong tác phẩm ấy ông Proctor đã nhiều lần bắt buộc phải viện dẫn vào những “điều trùng hợp kỳ diệu” như thế. Ở một chú thích cuối trang 301, ông có nêu rõ một trong những điều trùng hợp kỳ diệu nhất như sau: “Ở đây tôi không nói dông dài về sự trùng hợp kỳ diệu (nếu quả thật các chiêm tinh gia Chaldea không phát hiện ra vành đai Thổ tinh) theo đó họ cho thấy vị thần tương ứng với Thổ tinh ở bên trong một vành đai *gấp ba* lần . . . Kiến thức quang học rất chừng mực (thật vậy, chúng tôi có thể suy đoán chính xác theo sự hiện diện của những dụng cụ quang học dựa vào những di tích ở Assyria) có thể đã dẫn tới việc phát hiện ra các vành đai của Thổ tinh và các vệ tinh của Mộc tinh . . . Ông nói thêm rằng “Bel (thần Jupiter của người Assyria) đôi khi được biểu diễn bằng bốn cái cánh ở đầu mút hình ngôi sao. *Nhưng có thể đây chỉ là những điều trùng hợp ngẫu nhiên*”.

Tóm lại, thuyết trùng hợp của ông Proctor rất cuộc gợi ý về phép lạ nhiều hơn chính các sự kiện. Đó là vì đối với những người bạn của ta thì những kẻ hoài nghi dường như có một niềm khao khát khôn nguôi về những sự trùng hợp. Trong chương trước chúng tôi đã chứng nhận đầy đủ cho thấy rằng cổ nhân ắt đã dùng những dụng cụ quang học tốt như chúng ta có hiện nay. Nếu những dụng cụ mà Nebuchadnezzar sở hữu có một độ phóng đại trung bình như thế và kiến thức của các nhà thiên văn của ông rất đáng bị coi thường, thì theo những gì Rawlinson đọc được trong những mảnh ngói, khi Birs-Nimrud hoặc đền thờ ở Borsippa có bảy tầng, biểu tượng cho các vòng tròn đồng tâm của bảy hình cầu, mỗi cái được xây dựng bằng ngói và kim loại để tương ứng với màu sắc của hành tinh chủ trì cái hình cầu được tiêu biểu ấy? Phải chăng lại có một sự trùng hợp khi họ đã dành riêng cho mỗi hành tinh cái màu sắc mà những phát hiện mới nhất bằng kính viễn vọng của ta cho thấy là màu đúng thực ^[1]. Hoặc phải chăng lại là sự trùng hợp khi Plato biểu thị trong tác phẩm *Timæus* sự hiểu biết của mình về tính bất diệt của vật chất, về sự bảo toàn năng lượng và sự tương quan lực? Jowett có nói: “Lời cuối cùng của triết học hiện đại là tính liên tục và sự phát triển, nhưng đối với Plato thì *đây chỉ là khởi đầu và nền tảng của khoa học*”^[2].

Yếu tố cán cốt của các tôn giáo xưa nhất có bản chất là *bá tính thuật* và chúng tôi xin khẳng định rằng các thần thoại và ẩn dụ của chúng – một khi được thuyết giải chính xác và rõ ràng – sẽ ăn khớp với những ý niệm chính xác nhất của thiên văn học thời nay. Chúng tôi xin nói nhiều hơn nữa, hầu như không có một định luật khoa học nào – cho dù là thiên văn học vật lý hoặc địa lý học vật lý – mà lại không dễ dàng được chứng tỏ là những tổ hợp khéo léo của các chuyện thần thoại. Họ đã ẩn dụ hóa những nguyên nhân quan trọng nhất cũng như tầm phào nhất của các chuyển động thiên thể; bản chất của mọi hiện tượng được nhân cách hóa trong những tiểu sử thần thoại của chư thần nam nữ Hi Lạp thì người nào làm quen nhiều nhất với những nguyên lý mới nhất của vật lý và hóa học ắt tìm thấy những nguyên nhân, tác nhân trung gian và sự hỗ tương thể hiện qua tác phong và qui trình hành động của các vị thần linh tính khí thất thường. Điện khí quyển ở trạng thái trung tính và ẩn tàng thường được thể hiện nơi các vị

^[1] Xem Rawlinson, quyển xvii, trang 30-32, ấn bản hiệu đính.

^[2] Jowett, tác phẩm Nhập môn “Timæus”, “Các cuộc đối thoại của Plato”, quyển I, trang 509.

nam nữ bán thần linh có bối cảnh tác động hạn chế nhiều hơn vào trần thế; khi thỉnh thoảng bay vút lên các cõi cao của chư thần thì họ luôn luôn phô trương những cơn giận dữ theo kiểu điện của mình *tỉ lệ chính xác với việc tăng thêm khoảng cách từ bề mặt trái đất*: vũ khí của Hercules và Thor chưa bao giờ gây chết người hơn lúc chư thần linh bay vút lên tận mây xanh. Chúng ta phải nhớ rằng trước thời mà thần Jupiter của Hi Lạp được thiên tài Pheidias nhân hình hóa thành ra một vị Thượng Đế Toàn Năng, *Maximus*, Thần linh của chư thần và như vậy đã từ bỏ việc tôn thờ mang tính đa thần thì trong khoa biểu tượng học sơ khai nhất và bí hiểm thì bản thân ngài và các thuộc tính của ngài thể hiện trọn cả các lực của vũ trụ. Thần thoại mang ít tính cách siêu hình và phức tạp hơn, nhưng nó lại hùng hồn hơn để diễn tả triết lý tự nhiên. Theo ông Porphyry và Proclus thì thần Zeus, yếu tố hùng tính của sự sáng tạo cùng với Chthonia – Vesta (đất) và Metis (nước), người đầu tiên trong các yếu tố ở đại dương (các nguyên khí sơ tính) được coi là thủ lĩnh của các sinh linh. Trong thần học của Orpheus, đấng già nua hơn hết nói về mặt siêu hình học biểu diễn cả *tiềm năng lẫn hành vi* là *nguyên nhân* chưa được khai huyền và Hóa công tức là đấng sáng tạo hoạt động với vai trò một phân thân của mãnh lực vô hình. Qua năng lực của hóa công nêu trên cùng với những người phối ngẫu, ta thấy ngài có đủ mọi tác nhân đầy quyền lực nhất trong cơ tiến hóa của vũ trụ - ái lực hóa học, điện khí quyển, sức hút và sức đẩy.

Chính nơi những biểu diễn sau đây của năng lực vật lý này mà ta mới khám phá ra cổ nhân đã quen thuộc xiết bao với mọi học thuyết của khoa vật lý học ở giai đoạn phát triển hiện đại. Về sau theo những suy đoán của Pythagoras, Zeus trở thành tam nguyên siêu hình; đơn nguyên triển khai từ CHƠN NGÃ vô hình của mình ra nguyên nhân *hoạt động*, hậu quả và ý chí thông tuệ; tất cả tạo thành *Tứ nguyên*. Mãi về sau nữa, ta thấy các môn đồ Tân Plato trước kia đẹp qua một bên đơn nguyên bản sơ dựa trên cơ sở trí năng con người hoàn toàn không hiểu được nó mà chỉ suy đoán về *tam nguyên hóa công của đấng thiêng liêng* này vì các tác dụng của nó vốn hữu hình và có thể hiểu được; thế là Plotinus, Porphyry, Proclus và các triết gia khác đã tiếp nối khía cạnh siêu hình học về quan điểm Zeus là ngôi cha, Zeus Poseidon tức là *dunamis*, ngôi con và quyền năng, và tinh thần tức *nous*. Tam nguyên này cũng được trường phái *Irenæic* chấp nhận là một tổng thể vào thế kỷ thứ nhì; sự khác nhau quan trọng giữa các học thuyết của môn đồ Tân Plato và các Ki Tô hữu chỉ ở nơi Ki Tô hữu mạnh mẽ hỗn hợp nhất nguyên không thể hiểu được với tam nguyên sáng tạo được thực hiện.

Xét theo khía cạnh thiên văn học thì Zeus-Dionysus bắt nguồn nơi hoàng đạo, năm dương lịch thời xưa. Ở Libya, ngài khoác hình tướng của một con cừu đực và đồng nhất với thần Amun của Ai Cập, Amun sinh ra Osiris là vị thần bò mộng. Osiris cũng là phân thân được nhân cách hóa của Mặt trời Ngôi Cha và bản thân ngài là Mặt trời ở cung Kim ngư. Mặt trời Ngôi Tổ là Mặt trời ở cung Dương cưu. Với vai trò ở cung Dương cưu, Jupiter mang hình dạng của một con cừu đực, còn với cương vị là Jupiter Dionysus hoặc Jupiter Osiris thì ngài là một con bò mộng. Ta thừa biết rằng con vật này là biểu tượng của quyền năng sáng tạo; hơn nữa thông qua một trong những người xiển dương chính yếu là Simon Ben Iochai^[1], kinh Kabalah có giải thích về nguồn gốc của tục thờ cúng kỳ lạ của những con bò mộng và bò cái này. Cả Darwin lẫn Huxley – những người sáng lập ra thuyết tiến hóa và thuyết bổ sung cần thiết là sự biến hóa giống loài – cũng không thể tìm thấy điều gì ngược lại với tính hợp lý của biểu tượng này, có lẽ

^[1] Chú ý là ông sống vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên.

ngoại trừ cái cảm giác tự nhiên là khó chịu khi phát hiện ra rằng cổ nhân đã biết trước mình ngay cả về cái điều phát hiện đặc biệt này của thời hiện đại. Chúng tôi sẽ trình bày học thuyết của môn đồ kinh Kabalah do Simon Ben Iochai ở một chỗ khác.

Ta có thể dễ dàng chứng tỏ được rằng từ thời rất xa xưa Saturn tức Kronos – vành đai của nó chắc chắn là đã được các chiêm tinh gia Chaldea phát hiện ra và biểu tượng ấy không phải là sự “trùng hợp” – được coi là cha của Zeus, trước khi bản thân Zeus trở thành cha của chư thần linh và là thần linh cao nhất. Đó là Bel hoặc Beal của người Chaldea và thoát tiên đã được người Akkad du nhập vào trong đám người Chaldea. Rawlinson khẳng định cho rằng người Akkad xuất phát từ Armenia; nhưng nếu đúng như vậy thì làm sao ta có thể giải thích được sự kiện Bel chẳng qua chỉ là một người Babylon nhân cách hóa thần Shiva của Ấn Độ tức Bala, hỏa thần, thần sáng tạo toàn năng đồng thời cũng hủy diệt và xét về nhiều ý nghĩa còn cao hơn cả chính Brahma nữa.

Một thánh ca của phái Orpheus có nói: “Zeus là đấng đầu tiên và cuối cùng, là cái đầu và những cực điểm; vạn vật đều xuất phát từ ngài. Ngài là một người đàn ông và một nữ thần sông núi bất tử (yếu tố hùng tính và thụ tính); linh hồn của vạn vật và là động cơ thúc đẩy chính yếu nơi lửa; ngài là mặt trời và mặt trăng; suối nguồn của đại dương; hóa công của vũ trụ; quyền năng duy nhất, Thượng Đế duy nhất, Đấng Sáng tạo đại hùng và Đấng Quản trị càn khôn. Vạn vật, lửa, nước, đất, ether, đêm tối, các cõi trời. Metis, nữ kiến trúc sư ban sơ (nữ thần Sophia của phái Ngộ đạo và Sephira của phái Kabalah) Eros xinh đẹp, Cupid, tất cả đều được bao hàm bên trong những kích thước lớn lao thuộc cơ thể vinh diệu của ngài!”^[1]

Bài thánh ca ngắn ngủi tán dương này bao hàm nền tảng của mọi quan niệm dựng nên thần thoại. Óc tưởng tượng của cổ nhân đã tỏ ra vô biên như những biểu lộ hữu hình của chính Đấng Thiêng liêng vốn cung cấp cho họ những đề tài ẩn dụ. Ngay cả những ẩn dụ cho dù dường như rất phong phú cũng chưa bao giờ tách rời khỏi hai ý tưởng chính mà ta có thể thấy nó song hành nơi phép ảnh tượng linh thiêng; trung thành tuyệt đối với khía cạnh vật thể cũng như khía cạnh đạo đức tâm linh của định luật thiên nhiên. Những khảo cứu siêu hình học của họ chưa bao giờ xung đột với những chân lý khoa học và ta có thể thật sự gọi tôn giáo của họ là các tín điều tâm sinh lý của các tu sĩ và khoa học gia, họ xây dựng chúng dựa vào các truyền thuyết của thế giới còn non trẻ theo như đầu óc chất phác của những giống người sơ khai tiếp nhận và dựa vào kiến thức thực nghiệm cổ kính cùng với mọi minh triết của mọi thời đại trung gian.

Về phần mặt trời, liệu ta còn thấy hình ảnh nào đẹp đẽ hơn Jupiter phóng phát ra những tia màu hoàng kim để nhân cách hóa sự phân thân này thành Diana, trinh nữ trọn sáng Artemis, tên gọi xưa nhất của bà là Diktyнна, theo sát nghĩa là *tia* được phóng phát ra, từ nguyên là *dikein*. Mặt trăng vốn không tự phát sáng mà chỉ sáng được do ánh sáng phản chiếu của mặt trời; vì thế cho nên mới có ảnh tượng mặt trăng là con gái của mặt trời, bản thân nữ thần mặt trăng là Luna, Astartè hoặc Diana. Trên cương vị là Diktyнна của xứ Crete, bà đeo một vòng hoa bằng cây pháp thuật *diktamnon* tức *dictamnus*, là một cây con vạn niên thanh mà nghe nói việc tiếp xúc với nó đồng thời phát triển được trạng thái mộng du và cuối cùng chữa được trạng thái này; với vai trò là Eilithyia và Juno Pronuba, bà là nữ thần sinh sản, là thần linh của xứ Æsculapius và việc sử dụng vòng hoa dictamnus kết hợp với mặt trăng một lần nữa cho thấy cổ nhân quan sát rất sâu sắc. Trong thực vật học, người ta biết cây này có tính chất giảm đau

^[1] Stobæus: tác phẩm “Mục ca”. (Bài ca đồng dao)

rất mạnh, nó mọc rất nhiều trên núi Dicte, là một ngọn núi ở xứ Crete; mặt khác theo những người có thẩm quyền nhất về từ khí động vật, mặt trăng tác dụng lên các dịch tiết và hệ thống hạch thần kinh hoặc tế bào thần kinh, nơi xuất phát của mọi dây thần kinh vốn đóng một vai trò nổi bật xiết bao trong thuật thôi miên mesmer. Trong khi sinh con, người phụ nữ xứ Crete thường được đắp cây này lên, nếu cho uống rễ của nó thì người ta đã tính toán hay nhất để làm dịu những cơn đau nhức nhối và làm giảm đi sự bức rức nguy hiểm trong lúc lâm bồn. Hơn nữa, sản phụ còn được đặt bên trong khuôn viên của thánh điện thờ nữ thần và nếu có thể được chiếu tia trực tiếp của con gái rực rỡ của thần Jupiter, tức là mặt trăng ấm áp và sáng ngời của Đông phương.

Người Bà la môn Ấn Độ và Phật tử đã làm phức tạp thêm thuyết ảnh hưởng về mặt trời và mặt trăng (các yếu tố hùng tính và thụ tính) được bao hàm trong các nguyên lý âm dương, các đối cực của tính phân cực từ khí. Mọi tác giả thời xưa về từ khí đều viết rằng người ta thừa biết "ảnh hưởng của mặt trăng đối với phụ nữ"; thế là Ennemoser cũng như Du Potet đã xác nhận thuyết của các nhà thần thi Ấn Độ về mọi chi tiết.

Các Phật tử đặc biệt tôn trọng đá sapphire – nó cũng linh thiêng đối với nữ thần Luna ở mọi xứ khác – ta có thể thấy điều này dựa trên một điều gì đó mang tính chính xác khoa học nhiều hơn chỉ là một sự mê tín dị đoan vô căn cứ. Họ gán cho nó một quyền năng linh thiêng pháp thuật mà mọi môn sinh về tâm lý học thôi miên mesmer đều dễ dàng hiểu được, vì bề mặt nhẵn bóng và xanh đậm của nó tạo ra hiện tượng mộng du phi thường. Chỉ gần đây thôi, người ta mới thừa nhận đủ thứ ảnh hưởng của các màu sắc quang phổ đối với sự tăng trưởng thực vật, nhất là màu của "tia xanh lơ". Các Hàn lâm viện sĩ cãi nhau về khả năng nung nóng vô song của các tia sáng trong quang phổ cho tới khi một loạt những chứng minh thực nghiệm của Tướng Pleasonton, chứng minh rằng do tác dụng của tia màu xanh lơ (tia mang nhiều tính điện nhất), sự tăng trưởng thực vật và động vật lên tới mức gần như phép lạ. Thế rồi những khảo cứu của Amoretti về sự phân cực điện của đá quý cho thấy rằng kim cương, ngọc thạch đỏ lựu, thạch anh tím phân cực điện âm, còn ngọc sapphire phân cực điện dương^[1]. Vậy là ta có thể chứng tỏ rằng những thí nghiệm mới nhất của khoa học chỉ bổ chứng cho những điều mà các nhà hiền triết Ấn Độ đã từng biết trước khi bất kỳ Hàn lâm viện hiện đại nào được sáng lập. Một huyền thoại Ấn Độ thời xưa kể rằng Brahma Prajapāti sau khi phải lòng con gái của chính mình là *Ushās*, (Cõi trời, đôi khi cũng là Bình minh) bèn khoác lấy hình tướng của một con hươu đực (*ris'ya*), còn Ushas mang hình tướng của một con hươu cái (*rōhit*), thế là đôi bên phạm phải tội nguyên thủy^[2]. Khi chứng kiến một sự phạm thượng như vậy, chư thần linh cảm thấy khiếp đảm xiết bao đến nỗi bèn hiệp nhất các cơ thể trông để sợ nhất của mình – mỗi vị thần linh muốn có bao nhiêu cơ thể cũng được – để tạo ra Bhūtavan (tà thần); họ tạo ra Bhūtavan với mục đích tiêu diệt *hiện thân* của cái tội lỗi nguyên thủy mà chính Brahma đã phạm phải. Khi thấy như thế Brahma-Hiranyagarbha^[3] hối hận cay đắng và bắt đầu trì chú, tức là cầu nguyện để tẩy trừ; trong khi ngài buồn khổ thì một giọt nước mắt rớt xuống trần gian, cái giọt nước mắt *nóng nhất* đã từng chảy ra từ một con mắt và chính nó tạo thành viên ngọc sapphire đầu tiên.

^[1] Kieser: tác phẩm "Văn kiện Lưu trữ", quyển iv, trang 62. Thật vậy, nhiều biểu tượng xưa cũ chỉ là trò chơi chữ đối với các tên gọi.

^[2] Xem "Rig Veda", Aitareya-Brahmanan.

^[3] Người Ấn Độ gọi Brahma là Brahmans Hiranyagarbha tức là hồn *đơn vị*, còn *Amrita* là hồn tối cao, là nguyên nhân bản sơ phân thân ra Brahma sáng tạo.

Huyền thoại nửa thánh thiện nửa dung tục này cho thấy rằng người Ấn Độ có biết trong số mọi màu của quang phổ thì màu nào mang tính điện nhiều nhất; hơn nữa người ta đã xác định rõ rệt ảnh hưởng đặc thù của đá sapphire cũng như của mọi khoáng vật khác. Orpheus có dạy cách làm sao ảnh hưởng tới toàn thể thính giả bằng một đá nam châm thiên nhiên; Pythagoras đặc biệt chú ý tới màu sắc và bản chất của đá quý; còn Apollonius ở Tyana truyền thụ cho môn đồ những tính chất bí nhiệm của mỗi đá quý, hàng ngày ông thay đổi nhẫn có cẩm ngọc của mình, dùng mỗi loại đá đặc biệt cho mỗi ngày trong tháng theo những định luật của chiêm tinh học giải đoán. Các Phật tử khẳng định rằng ngọc sapphire tạo ra sự bình an cho tâm hồn, sự thanh thản và trục xuất mọi tư tưởng xấu xa bằng cách lập nên một sự tuần hoàn lành mạnh nơi con người. Thợ điện của ta bảo rằng bình ắc quy cũng làm được việc đó bằng dòng lưu chất được điều khiển khéo léo. Các Phật tử bảo rằng “ngọc sapphire sẽ mở ra những cánh cửa bị cài then và những chỗ trú (dành cho tinh thần con người); nó khiến cho ta muốn cầu nguyện và nó mang lại sự an bình nhiều hơn bất kỳ loại ngọc nào khác; nhưng kẻ nào đeo ngọc thì phải sống cuộc đời thanh khiết và thánh thiện” [1].

Diana Luna là con gái của thần Zeus với Proserpina, bà biểu tượng cho Trái đất trong công trình lao động và theo Hesiod, với vai trò là Diana Eilythia Lucina, đó cũng là con gái của Juno. Nhưng Juno bị Kronos tức Saturn nuốt ngẫu nhiên và chỉ được Metis của Oceanid làm cho hồi sinh, và Metis cũng được biết là Trái đất. Với vai trò là sự tiến hóa của Thời gian, Saturn nuốt trái đất trong một thảm họa tiền sử và chỉ khi Metis (nước đại dương) rút xuống ở nhiều đáy biển của mình, giải phóng cho các lục địa thì nghe nói Juno mới phục hồi được hình dạng nguyên thủy của mình. Ý tưởng này được diễn tả qua câu thơ số 9 và 10 trong chương đầu tiên của *Sáng thế ký*. Trong cuộc cãi cọ triền miên của cặp vợ chồng Juno và Jupiter, người ta luôn luôn biểu diễn Diana là quay lưng về phía mẹ và mỉm cười với cha, mặc dù cô vẫn cắn nhả cha về nhiều trò đùa đờn của ông. Nghe nói các pháp sư ở Thessalia trong những kỳ nguyệt thực đã buộc lòng phải thu hút sự chú ý của cô đối với trái đất qua quyền năng bùa chú của mình; còn các chiêm tinh gia Babylon và các pháp sư chẳng bao giờ ngưng dùng bùa cho tới khi họ hòa giải được cặp vợ chồng ưa cáu kỉnh này, sau khi Juno “đã mỉm cười rạng rỡ với nữ thần chói sáng” Diana, lượn vòng quanh chân mày của nàng qua hình trăng lưỡi liềm rồi trở về nơi chốn sẵn bản của mình ở vùng sơn cước.

Chúng tôi thấy dường như chuyện thần thoại này minh họa cho các tuần trăng khác nhau. Chúng ta là cư dân của trái đất, bao giờ cũng chỉ thấy một nửa của vệ tinh chiếu sáng, vậy là mặt trăng *quay lưng* về mẹ Juno của mình. Mặt trời, mặt trăng và trái đất thường xuyên thay đổi vị trí đối với nhau. Ở tuần trăng *non* thường xuyên có sự thay đổi thời tiết; đôi khi gió bão có thể gợi ý ra một cuộc cãi cọ giữa mặt trời và trái đất, nhất là khi mặt trời bị che khuất bởi những đám mây có sấm rền. Hơn nữa, vào kỳ trăng mới, khi mặt trăng quay phía tối về ta thì ta không thấy được mặt trăng; và chỉ sau khi mặt trời và trái đất đã *hòa giải* với nhau thì ta mới thấy được trăng hình lưỡi liềm ở bên phía gần nhất so với mặt trời, mặc dù lần này Luna không tỏa sáng do ánh sáng mặt trời mà nó *trực tiếp* nhận được, song tỏa sáng do ánh sáng mặt trời được phản chiếu từ trái đất lên mặt trăng rồi nó lại phản chiếu xuống cho ta. Vì thế cho nên các chiêm tinh gia người Chaldea và các pháp sư ở Thessaly có lẽ đã quan sát và xác định cũng chính xác như ông Babinet về lộ trình của các thiên thể mà người ta bảo rằng họ dùng bùa chú để buộc mặt trăng phải đáp xuống trái đất, nghĩa là để cho mặt trăng tỏ lộ hình lưỡi liềm của mình, nó chỉ có thể làm được như vậy sau khi đã

[1] Marbod: tác phẩm “Quyển sách khắc trên đá về Beekmann”

nhận được “nụ cười rạng rỡ” của bà mẹ trên trái đất, bà chỉ cười sau khi đã giảng hòa được với chồng. Sau khi đã tô điểm cho đầu của con gái bằng trăng lưỡi liềm của mình, Diana-Luna bèn trở lại săn bắn trên *núi non*.

Nếu nghi vấn kiến thức cổ hữu của cổ nhân dựa vào cơ sở “những điều suy diễn *mê tín* của họ đối với các hiện tượng thiên nhiên” thì điều này cũng giống như thế 500 năm về sau nữa, con cháu của ta sẽ coi đám học trò của giáo sư Balfour Stewart là những kẻ dốt nát *thời xưa*, còn bản thân giáo sư là một triết gia hơi hợt. Nếu khoa học hiện đại nhân danh nhà quý tộc này mà có thể hạ cố làm những thí nghiệm để xác định xem liệu việc xuất hiện các đốm đen trên bề mặt mặt trời có dính dáng gì chẳng tới bệnh của khoai tây và tìm thấy là *có*, hơn nữa “trái đất còn chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của điều diễn ra trên mặt trời”^[1] thì tại sao ta dám cho rằng các chiêm tinh gia thời xưa là điên rồ và quả thật là kẻ vô lại? Giữa chiêm tinh học thiên nhiên và chiêm tinh học giải đoán cũng có một mối quan hệ giống như sinh lý học với tâm lý học, phần xác với phần hồn. Nếu trong những thế kỷ sau này, các khoa học đó suy thoái thành ra thuật lang băm do một số kẻ bịp bợm làm tiền nào đấy thì điều đó đâu có đủ để vợ dũa cả năm buộc tội những con người đầy quyền năng thời xưa nhờ kiên trì nghiên cứu và sống một cuộc đời thánh thiện đã làm rạng danh xứ Chaldea và Babylon đến muôn đời? Chắc chắn những người giờ đây được chứng tỏ là đã quan sát chính xác mãi từ khoảng “trong vòng 100 năm đối với trận hồng thủy”, quan sát từ đỉnh cao của đài thiên văn tức là “cái tháp Bel bị mây che phủ” (theo cách diễn tả của Giáo sư Draper) thì liệu ta có dám coi họ là những kẻ bịp bợm chẳng. Nếu phương thức ghi khắc lên đầu nhân dân những sự thật thiên văn vĩ đại của họ có khác với “hệ thống giáo dục” trong thế kỷ hiện nay của ta và dường như lỗ bịch đối với một số người thì vẫn còn một câu hỏi chưa ai trả lời được; trong hai hệ thống thì hệ thống nào hay hơn? Đối với họ thì khoa học cặp kè với tôn giáo và ý tưởng về Thượng Đế không tách rời khỏi công trình của ngài. Trong khi đó vào thế kỷ hiện nay, trong số 10.000 người chẳng có lấy một người biết được (nếu y quả đúng có biết sự thật ấy) rằng Thiên vương tinh *kế tiếp* Thổ tinh và quay tròn xung quanh mặt trời trong 84 năm; và Thổ tinh *kế tiếp* Mộc tinh và phải mất 29 năm rưỡi mới quay trọn một vòng trên quỹ đạo của mình, còn Mộc tinh phải xoay tròn trong vòng 12 năm; thế mà đám quần chúng vô giáo dục ở Babylon và Hi Lạp ghi tâm khắc cốt rằng Thiên vương tinh là cha của Thổ tinh và Thổ tinh là cha của Mộc tinh, hơn nữa coi đó là chư thần linh cũng như mọi vệ tinh và các tiểu hành tinh thì có lẽ suy diễn từ đó ta có thể cho rằng người Âu Tây chỉ mới khám phá ra được Thiên vương tinh vào năm 1781, thì trong những thần thoại nêu trên ta lại ghi nhận được một sự trùng hợp ngẫu nhiên kỳ diệu.

Ta chỉ cần mở ra quyển sách thông thường nhất về chiêm tinh học và so sánh (những điều mô tả bao hàm trong tác phẩm *Huyền thoại về Mười hai Cung tử vi* với khám phá mới nhất của khoa học về bản chất của các hành tinh và các nguyên tố trong mỗi ngôi sao thì ta ắt cũng thấy rằng không có bất kỳ phổ kể nào mà cổ nhân cũng hoàn toàn quen thuộc với chính điều đó. Trừ phi ta lại coi sự kiện này là một “sự trùng hợp ngẫu nhiên”, thì trong một chừng mực nào đó ta có thể học được về mức độ nhiệt và ánh sáng của mặt trời cùng với bản chất của các hành tinh qua việc chỉ cần nghiên cứu những biểu diễn tượng trưng của chúng nơi chư thần linh Hi Lạp, cùng với 12 cung thiên bàn của Hoàng đạo, mỗi cung được chiêm tinh học gán cho một đặc tính nào đó. Nếu các nữ thần thuộc hành tinh của chính chúng ta không khác về đặc điểm nào so với nam nữ thần khác mà tất cả đều có cùng một bản chất vật thể thì phải chăng điều này hàm ý

[1] “Mặt trời và Trái đất”, bài Thuyết trình của giáo sư Balfour Stewart .

là những người lính canh đang canh gác từ đỉnh tháp Bel, ngày đêm tuần tra mà vẫn thông công được với chư thần linh có nguồn gốc lịch sử thần thoại, và điều đó đã được nhận xét trước chúng ta khi sự đơn nhất về vật thể trong vũ trụ và sự thật là các hành tinh nêu trên cũng được tạo ra từ chính các nguyên tố hóa học giống như nguyên tố của ta. Trong chiêm tinh học, người ta trình bày mặt trời ở cung Dương cư tức thần Jupiter, là một cung hùng tính, thuộc ban ngày, thuộc bốn phương chính, thuộc phân điểm, thuộc phương Đông, nóng và khô, điều này hoàn toàn ăn khớp với tính tình được gán cho vị "Cha đẻ tính khí thất thường của chư thần linh". Khi thần Zeus-Akrios giận dữ giựt lấy sấm sét ra khỏi cái đai lưng bốc lửa của mình rồi quăng từ trên trời xuống thì ngài đã rẽ được mây và giáng xuống thành những cơn mưa như thác đổ với vai trò là thần Jupiter *Pluvius*. Ngài là vị thần lớn nhất và cao nhất trong chư thần, chuyển động của ngài nhanh như tia chớp vậy. Ta biết Mộc tinh quay vòng xung quanh trục của nó nhanh đến nỗi điểm xích đạo của nó quay với vận tốc 450 dặm một phút. Người ta tin rằng ở xích đạo có quá nhiều lực ly tâm, cho nên điều đó khiến cho hành tinh bị dẹt lại cực độ ở các cực điểm và ở xứ Crete, người ta biểu diễn thần Jupiter được nhân cách hóa mà không có đôi tai. Có những vành đai tối sẫm băng ngang qua đĩa của Mộc tinh; chúng có bề rộng biến thiên và dường như liên quan tới việc Mộc tinh quay tròn quanh trục của mình và được tạo ra do bầu khí quyển Mộc tinh bị xáo trộn. Hesiod có nói, mặt của Cha Zeus lốm đốm những nét giận dữ khi ngài chứng kiến đám khổng lồ Titan sẵn sàng nổi loạn.

Trong sách của ông Proctor, Thiên hựu phù hộ dường như đặc biệt dành cho các nhà thiên văn số phận phải gặp gỡ đủ thứ sự "trùng hợp ngẫu nhiên" kỳ diệu vì ông trình bày với ta nhiều trường hợp trong "vô vàn" trường hợp và thậm chí cả "ngàn sự kiện". Ngoài danh sách này ra ta còn có thể kể thêm đội quân các nhà Ai cập học và khảo cổ học mới đây đã được chọn làm cục cưng của *Mệnh phụ May mắn* với tính đồng bóng; hơn nữa bà thường tuyển lựa những "người Ả rập sung túc" khác và các nhà quý phái Đông phương khác để đóng vai trò phúc thần đối với các học giả Đông phương học đang gặp khó khăn. Giáo sư Ebers là một trong những người mới đây nhất được ưu ái. Người ta thừa biết một sự thật là bất cứ khi nào Champollion cần tới những mắt xích quan trọng thì ông lại tình cờ gặp chúng bằng đủ thứ cách bất ngờ nhất.

Voltaire là kẻ "vô đạo" nhất trong thế kỷ 18 thường bảo rằng nếu không có Thượng Đế thì người ta ắt phải sáng chế ra ngài. Volney là một "kẻ duy vật" khác cũng không hề chối bỏ sự tồn tại của Thượng Đế ở bất cứ nơi đâu trong suốt những tài liệu viết lách của mình. Ngược lại, ông quả quyết rõ rệt nhiều lần rằng vũ trụ là công trình của đấng "vô cùng minh triết" và ông tin chắc rằng có một Tác nhân Tối cao, một đấng Tạo tác đồng nhất, và chung cho toàn thể giới được gọi là Thượng Đế ^[1]. Vào cuối cuộc đời mình, Voltaire trở thành môn đồ phái Pythagoras và kết luận bằng cách bảo rằng: "Tôi đã mất 40 năm hành hương . . . để mưu tìm điểm kim thạch được gọi là sự thật. Tôi đã tham khảo mọi bậc cao đồ thời xưa, Epicure, Augustine, Plato và Malebranche, song tôi vẫn còn thấy mình dốt nát. . . Tôi chỉ có thể thu lượm được điều sau đây qua việc đối chiếu và tổ hợp hệ thống của Plato, của bậc thầy Alexander, của Pythagoras và của người Đông phương: *Sự may mắn ngẫu nhiên là một từ vô nghĩa*. Thế giới được sắp xếp theo những định luật toán học ^[2].

Thật là thỏa đáng khi ta gợi ý rằng hòn đá làm Proctor vấp chân cũng ngăn cản mọi nhà khoa học duy vật, vì ông chẳng qua chỉ lập lại quan điểm của họ;

[1] "Định luật Thiên nhiên" của Volney

[2] "Từ điển Triết học", Mục "Triết học".

ông lẫn lộn các thao tác vật thể và thao tác tâm linh của thiên nhiên. Chỉ nội cái thuyết của ông cho rằng cổ nhân có thể suy diễn bằng cách suy luận về những ảnh hưởng tinh vi của các hành tinh xa xôi hơn so với những tác dụng quen thuộc và mạnh mẽ của mặt trăng và mặt trời đối với trái đất cũng cho thấy rằng đầu óc của ông lỏng bông xiết bao. Bởi vì khoa học *quả quyết* rằng mặt trời truyền thụ *nhật* và *ánh sáng* vật lý cho ta, còn mặt trăng ảnh hưởng tới thủy triều, cho nên ông mới nghĩ rằng cổ nhân ắt phải coi các thiên thể khác là vận dụng cùng một loại ảnh hưởng đối với ta về mặt vật thể và gián tiếp ảnh hưởng lên số phận của ta ^[1]. Ở đây chúng tôi xin mạn phép nói lạc đề một chút.

Đối với một kẻ chưa quen thuộc cách thức giải thích bí truyền về giáo lý của cổ nhân thì thật khó mà xác định xem họ coi các thiên thể như thế nào. Trong khi ngôn ngữ học và thần học đối chiếu chỉ mới bắt đầu công trình phân tích gian nan, thì cho đến nay chúng chỉ đạt được những kết quả khiêm nhường. Cái cách diễn tả theo ẩn dụ thường dẫn dắt các nhà bình luận đi lạc xa đến nỗi họ lẫn lộn nguyên nhân với hậu quả và *ngược lại*. Trong cái hiện tượng tương quan lực gây bối rối thì ngay cả các nhà khoa học vĩ đại nhất cũng thấy mình rất khó giải thích được trong số các lực này thì đâu là nguyên nhân đâu là hậu quả, vì mỗi lực đều có thể lần lượt là nguyên nhân và hậu quả, rồi lại chuyển đổi được lẫn nhau. Như vậy nếu ta vận hỏi nhà vật lý: "Liệu ánh sáng sinh ra nhiệt hay nhiệt sinh ra ánh sáng?" thì có lẽ ông ấy sẽ trả lời ta rằng chắc chắn ánh sáng tạo ra nhiệt. Hay lắm, nhưng làm thế nào đây? Phải chăng đấng Tạo tác vĩ đại trước hết đã tạo ra ánh sáng hay trước hết Ngài dựng nên mặt trời mà nghe nói đó là thứ duy nhất cung cấp ánh sáng và do đó cung cấp nhiệt? Những thắc mắc này thoạt nhìn có vẻ chứng tỏ ta dốt nát; nhưng có lẽ nếu ta suy gẫm thật sâu sắc thì chúng lại khoác lấy một dáng vẻ khác. Trong *Sáng thế ký*, "Chúa" trước hết tạo ra *ánh sáng* rồi người ta viện dẫn là ba ngày ba đêm trôi qua trước khi Chúa tạo ra mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Cái lỗi lầm thô thiển này đối với khoa học *chính xác* ắt đã khiến cho các nhà khoa học duy vật rất thích thú. Và chắc chắn là họ được phép cười nhạo nếu học thuyết của họ (ánh sáng và nhiệt vốn bắt nguồn từ mặt trời) là không thể đả kích được. Mãi cho tới gần đây, chẳng có điều gì xảy ra làm đảo lộn thuyết này mà vì thiếu một thuyết tốt hơn cho nên nó đã "làm mưa làm gió chiếm địa vị thống soái trong địa hạt Giả thuyết" (theo cách trình bày của một nhà thuyết pháp). Những kẻ thờ mặt trời thời xưa coi Đại Chơn Linh là một vị thần trong thiên nhiên, đồng nhất với thiên nhiên, và mặt trời là vị thần linh mà "Chúa tế sự sống ngự trong đó". Theo thần học của Ấn Độ thì Gama là mặt trời và "mặt trời là cội nguồn của các linh hồn và *mọi sự sống*" ^[2]. Agni, "Lửa Thiêng", thần linh của Ấn Độ chính là mặt trời ^[3] vì lửa và mặt trời đều như nhau. Ormazd là ánh sáng, thần Thái dương tức đấng Ban phát Sự sống. Trong triết học Ấn Độ thì "các linh hồn đều thoát thai từ hồn thể giới và trở về với nó cũng giống như các tia lửa trở về với lửa" ^[4]. Nhưng ở một chỗ khác thì người ta lại bảo rằng "mặt trời là hồn của *vạn vật*; tất cả đều xuất phát từ nó rồi lại trở về nó" ^[5]; điều này chứng tỏ rằng ở đây người ta ngụ ý mặt trời theo ẩn dụ và ám chỉ mặt trời vô hình *trung ương* tức THƯỢNG ĐẾ, biểu lộ đầu tiên của Ngài là Sephira, phân thân của En Soph; tóm lại là Ánh sáng.

[1] "Bài Thuyết trình ở Boston", tháng 12 năm 1875.

[2] Weber: "Nghiên cứu Ấn Độ", I, trang 290.

[3] Wilson: "Rig Veda Sanhita", I, trang 143.

[4] "Duncker", quyển II, trang 162.

[5] "Wultke", ii, trang 262.

“Và tôi nhìn, và chứng kiến thấy một cơn gió lốc xuất phát từ phương Bắc, một đám mây lớn và một đám lửa cuộn lại xung quanh đó chói sáng rực rỡ”, Ezekiel nói như vậy trong thánh thư Ezekiel (I, 4, 22, v.v. . .) và . . . giống như ngai vàng . . . và giống như dáng vẻ của một người ngự trên đó . . . và tôi thấy dường như thể nó *giống như lửa*, xung quanh là ánh sáng rực rỡ”. Còn Daniel nói tới “đấng thái cổ”, En Soph trong kinh Kabalah, ngai của ngài là “ngọn lửa cháy bùng, những bánh xe của ngài là lửa cháy rực . . . Một luồng lửa phát ra và xuất hiện từ phía trước ngài”^[1]. Cũng giống như thần Ngoại đạo Saturn vốn có lâu đài bằng ngọn lửa ở cõi trời thứ bảy, Jehovah trong Do Thái giáo cũng có “lâu đài bằng lửa trên cõi trời thứ bảy”^[2].

Nếu khuôn khổ hạn hẹp của tác phẩm này mà đủ chỗ thì chúng tôi có thể dễ dàng chứng tỏ được rằng không một cổ nhân nào (kể cả những kẻ thờ mặt trời) lại coi mặt trời hữu hình của ta khác hơn là một biểu hiệu của thần thái dương trung ương vô hình và siêu hình. Hơn nữa họ *không* tin điều mà khoa học hiện đại dạy ta nghĩa là ánh sáng và nhiệt bắt nguồn từ mặt trời chúng ta và chính hành tinh này cung cấp mọi sự sống cho bản chất hữu hình của ta. *Rig Phê đê* có nói: “Sự chói lọi của ngài là bất diệt, các tia bất diệt không ngừng nghỉ, thấm nhuần vạn vật và chói sáng rực rỡ của Agni không hề bị mất đi, dù là ngày hay đêm”. Điều này hiển nhiên là có liên quan tới mặt trời tinh thần trung ương, các tia của nó thấm nhuần vạn vật và không ngừng nghỉ, cung cấp sự sống vô biên và vĩnh hằng, NGÀI là *Điểm*; tâm điểm (vốn ở khắp mọi nơi) của vòng tròn (vốn chẳng ở đâu hết), là lửa tâm linh tinh anh, là linh hồn và tinh thần của chất ether bí nhiệm thấm nhuần vạn vật; là nổi thất vọng và câu đố thách thức nhà duy vật; một ngày nào đó những nhà duy vật ắt thấy rằng điều khiến cho vô số lực vũ trụ biểu lộ ra dưới dạng tương quan vĩnh hằng chẳng qua chỉ là điện thiêng liêng hoặc đúng hơn là *điện một chiều*, còn mặt trời chẳng qua chỉ là một trong vô số *nam châm* rải rác trong không gian, là một gương phản chiếu theo cách diễn tả của Tướng Pleasonton. Mặt trời không có nhiệt trong đó cũng giống như mặt trăng hoặc đội ngũ các ngôi sao lấp lánh đặc nghệt trong không gian. Không có *lực hấp dẫn* theo nghĩa của Newton^[3] mà chỉ có lực hút và đẩy theo từ khí; và chính nhờ có từ khí mà các hành tinh thuộc thái dương hệ mới chuyển động điều phối theo những quỹ đạo riêng biệt do từ khí của mặt trời còn mạnh hơn nữa chứ không phải do trọng lượng hay lực hấp dẫn trọng trường. Họ có thể học được điều này và nhiều điều khác nữa; nhưng đợi cho đến lúc đó thì chúng ta vẫn phải bằng lòng với việc chỉ bị cười nhạo thôi, còn đỡ hơn là bị thiêu sống vì vô đạo hoặc bị nhốt vào nhà thương điên.

[1] Thánh thư Daniel, vii, 9-10.

[2] Thánh thư Enoch, xiv, 7.

[3] Đề xuất này sẽ bị gán cho vết nhơ là *vớ vẩn*, nhưng chúng tôi sẵn sàng chứng tỏ dựa vào thẩm quyền của Plato (Xem Dẫn nhập vào “Timæus” của Jowett, trang cuối cùng) đó là học thuyết của Pythagoras cùng với đề xuất khác cho rằng mặt trời chẳng qua chỉ là thấu kính mà ánh sáng đi xuyên qua đó; ngày nay những đề xuất này được bổ chứng một cách kỳ lạ do những quan sát của Tướng Pleasonton ở Philadelphia. Nhà thực nghiệm này táo bạo lộ diện là một nhà cách mạng trong khoa học hiện đại và gọi lực ly tâm và hướng tâm của Newton cũng như luật hấp dẫn là “điều trá ngược”. Ông không sợ sệt, giữ vững lập trường của mình chống lại Tyndall và Huxley vào thời đó. Chúng tôi lấy làm hân hạnh thấy một nhà bác học như thế bênh vực cho một trong những *ảo giác* (?) của Hermes xưa cũ nhất (và cho đến nay được gọi là *phi lý nhất*). (Xem tác phẩm của Tướng Pleasonton “Ảnh hưởng của Tia màu Xanh lơ trong Ánh sáng Mặt trời và màu Xanh lơ trên Bầu trời tới sự phát triển Cuộc sống Động vật và Thực vật”. Thuyết trình ở Hội Philadelphia Xúc tiến Canh nông).

Luật Bàn Cổ là giáo lý của Plato, Philo, Zoroaster, Pythagoras và kinh Kabalah. Kinh Kabalah có thể giải được nội môn bí giáo của mọi tôn giáo. Giáo lý kinh Kabalah về Ngôi Cha, Ngôi Con ẩn dụ vốn đồng nhất với nền tảng của Phật giáo. Thánh Moses không thể tiết lộ cho quần chúng những bí mật cao siêu của sự suy đoán tôn giáo cũng như khởi nguyên của vũ trụ; toàn thể vẫn dựa trên sự *Hảo huyền* của người Ấn Độ; một mặt nạ khéo léo che khuất *Mật điện trong Thánh điện* và đã làm lầm lạc biết bao nhiêu nhà bình luận thần học ^[1].

Những điều dị giáo trong kinh Kabalah nhận được một sự ủng hộ bất ngờ nơi các thuyết phi chính thống của Tướng Pleasonton. Theo ý kiến của ông (ông hỗ trợ nó bằng những sự kiện không thể bác bỏ hơn hẳn so với những sự kiện của nhà khoa học chính thống) không gian giữa mặt trời và trái đất phải được lấp đầy bằng một môi trường vật chất vốn tương ứng với ánh sáng tinh tú trong kinh Kabalah, theo chỗ chúng tôi thẩm định được điều mà ông mô tả. Việc ánh sáng đi qua môi trường này phải tạo ra sự ma sát ghê gớm. Sự ma sát này sinh ra điện; chính điện và từ khí tương quan với nó tạo ra các lực thiên nhiên ghê gớm vốn gây ra nơi, trên và xung quanh hành tinh ta đủ thứ sự biến đổi mà ta gặp ở khắp mọi nơi. Ông chứng tỏ rằng nhiệt trên trái đất *không thể* trực tiếp bắt nguồn từ mặt trời vì nhiệt *tăng lên*. Ông bảo rằng lực ảnh hưởng tới nhiệt là một lực đẩy, và vì nó liên kết với điện dương cho nên nó bị điện âm hút lên thượng tầng khí quyển (điện âm đối nghịch với điện dương và luôn luôn liên kết với khí lạnh). Ông củng cố lập trường của mình bằng cách cho thấy rằng trái đất (khi được che phủ bằng tuyết vốn không chịu ảnh hưởng của tia sáng mặt trời) ấm nhất khi tuyết ở sâu nhất. Ông giải thích điều này dựa vào thuyết cho rằng bức xạ nhiệt từ bên trong trái đất có tính điện dương, khi gặp tuyết ở trên *bề mặt* trái đất (tuyết này tích điện âm khi tiếp xúc với nó) bèn tạo ra nhiệt.

Như vậy ông chứng tỏ rằng chúng ta tuyết nhiên không vay mượn ánh sáng và nhiệt của mặt trời; ánh sáng đó là sự sáng tạo *tự thân* vốn tồn tại được vào lúc mà Đấng thiêng liêng muốn như thế và thốt ra mệnh lệnh: "Hãy có ánh sáng"; chính tác nhân vật chất độc lập này mới tạo ra nhiệt do *ma sát* vì vận tốc của nó rất lớn và chuyển động không ngừng. Tóm lại, Tướng Pleasonton giới thiệu với ta phân thân thứ nhất trong kinh Kabalah tức Sephira hoặc *Trí tuệ thiêng liêng*, (nguyên thể thụ tính) vốn cùng với En Soph tức Minh triết thiêng liêng (nguyên thể hùng tính) tạo ra vạn vật hữu hình và vô hình. Ông chế nhạo thuyết hiện hành về sự cháy đỏ của mặt trời và chất liệu ở thể hơi của nó. Ông

[1] Không xứ nào mà giáo lý bí truyền chân chính lại được phó thác trên giấy trắng mực đen. Brahma Maia của người Ấn Độ được *truyền khẩu* từ thế hệ này sang thế hệ khác. Kinh Kabalah chẳng bao giờ được viết ra; còn thánh Moses chỉ truyền khẩu nó cho môn đồ ưu tú. Thuyết Ngộ đạo nguyên thủy thuần túy của Đông phương đã bị nhiều giáo phái sau này làm bại hoại và thoái hóa hoàn toàn. Trong tác phẩm "Về các sự Hiến tế của Abel và Cain", Philo nêu rõ rằng có một điều bí mật *chưa được tiết lộ* cho kẻ chưa được điểm đạo. Plato lặng thinh về nhiều điều và môn đồ của ông thường xuyên đề cập tới sự kiện ấy. Bất cứ ai nghiên cứu (dù chỉ là hời hợt) các triết gia này mà đọc tới các định chế của Manu đều nhận thức rõ rằng tất cả được rút ra từ cùng một nguồn. Đức Bàn Cổ có dạy: "Vũ trụ này chỉ tồn tại nơi *ý niệm thiêng liêng đầu tiên thể nhưng chưa bành trướng, dường như thể bị vướng mắc vào u minh* mà lý trí không nhận thức được, không định nghĩa được, không phát hiện được và sự *khải huyền* cũng không khám phá ra nó, dường như thể nó hoàn toàn đắm chìm vào giấc ngủ; thế rồi Quyền năng tự tại duy nhất vốn là bản thân không ai nhận biết được lại xuất hiện trong sự vinh diệu trọn vẹn, *bành trướng ý niệm của mình* tức là xua tan *bóng tối âm u*". Bộ pháp điển đầu tiên của Phật giáo cũng có nói như thế. Ý niệm của Plato chính là *Ý chí* tức Ngôi Lời, đấng thiêng liêng biểu lộ ra. Đó là Ánh sáng Vĩnh hằng phân thân ra ánh sáng *vật chất* hữu hình.

bảo rằng phản chiếu từ quang cầu của mặt trời khi đi qua các khoảng không gian hành tinh và tinh tú ắt đã phải tạo ra một lượng lớn điện và từ. Do kết hợp với đối cực của mình cho nên điện sinh ra nhiệt và ban cấp từ khí cho mọi chất liệu có thể nhận được nó. Mặt trời, các hành tinh, các ngôi sao và các tinh vân đều là các nam châm v.v. . .

Nếu nhà quý tộc can đảm này mà chúng tôi được trường hợp của ông thì các thế hệ tương lai sẽ ít có khuynh hướng cười nhạo Paracelsus và ánh sáng tinh đẩu tức ánh sáng tinh tú của ông cùng với học thuyết của ông về tác dụng từ khí của các ngôi sao và hành tinh đối với mọi tạo vật sống, cây cỏ hoặc khoáng vật trên địa cầu. Hơn nữa, nếu người ta xác lập được giả thuyết của Pleasonton thì sự vinh quang siêu việt của Giáo sư Tyndall ắt bị mờ nhạt đi khá nhiều. Theo công luận thì vị Tướng này đã tấn công dữ dội vào nhà bác học vật lý vì ông gán cho mặt trời những hiệu ứng nhiệt mà ông trải nghiệm được trong một cuộc du ngoạn trên núi Alpe, điều này chỉ do điện sinh học của chính ông thôi ^[1].

Sự thịnh hành của những ý kiến cách mạng như thế trong khoa học khiến chúng tôi có đủ can đảm để hỏi những người đại diện cho khoa học liệu họ có giải thích được *tại sao* thủy triều lại tuân theo mặt trăng trong chuyển động xoay tròn của nó? Sự thật là họ không thể chứng minh được ngay cả một hiện tượng quen thuộc như thế, hiện tượng chẳng có gì bí mật đối với ngay cả những kẻ sơ cơ về khoa luyện kim đan và pháp thuật. Chúng tôi cũng muốn học biết xem liệu họ có thể cho ta thấy tại sao các tia sáng của mặt trăng lại độc hại như thế, thậm chí giết chết một số cơ thể; tại sao ở một số nơi của Phi châu và Ấn Độ, người ta thường nổi cơn điên khi ngủ dưới ánh trăng; tại sao những cơn kịch phát của một vài bệnh lại tương quan với những thay đổi của mặt trăng; tại sao những kẻ bị mộng du lại dễ bị ảnh hưởng hơn vào lúc trăng tròn; và tại sao những người làm vườn, làm trang trại và làm rừng lại khư khư bám lấy ý tưởng cho rằng thực vật chịu ảnh hưởng của mặt trăng? Nhiều đóa hoa mimosa đã luân phiên nở và khép cánh của mình khi trăng tròn xuất lộ ra từ hoặc bị che khuất bởi những đám mây. Và người Ấn Độ ở Travancore có một câu ngạn ngữ bình dân nhưng rất gợi ý như sau: "Những lời lẽ mềm mỏng hay hơn những lời nói xằng; biển bị hút bởi mặt trăng nguội lạnh chứ không phải bởi mặt trời nóng rực". Có lẽ một hay nhiều người tung ra ngạn ngữ này cho thế gian ắt biết về nguyên nhân mặt trăng hút nước như thế nhiều hơn mức chúng ta biết. Như vậy, nếu khoa học không giải thích được nguyên nhân của ảnh hưởng vật lý này thì làm sao nó có thể biết được những ảnh hưởng đạo đức và huyền bí mà các thiên thể có thể tác dụng lên con người và số phận của y; và tại sao cãi lại điều mà khoa học không thể chứng tỏ là sai? Nếu một vài thế chiều của tuần trăng có gây ra kết quả rành rành quen thuộc với kinh nghiệm của con người khắp mọi lúc thì liệu chúng tôi gây hại gì cho luận lý khi giả định rằng một tổ hợp nào đó có các ảnh hưởng tinh tú cũng có thể có ít nhiều tiềm năng?

[1] Dường như khi từ Bạch sơn đi xuống, Tyndall đã bị trúng thử rất nặng, mặc dù lúc đó ông dầm tuyết tới tận đầu gối. Giáo sư gán điều này cho những tia nắng mặt trời chói chang như được mô tả thì chúng ắt làm tan chảy tuyết, thế mà tuyết đâu có tan ra. Ông kết luận rằng nhiệt mà Giáo sư trúng thử xuất phát từ chính cơ thể ông do tác động điện của ánh sáng mặt trời đối với quần áo bằng len màu sẫm, quần áo bị tích điện dương do nhiệt cơ thể của ông. Chất ether khô và lạnh của không gian hành tinh cũng như thượng tầng khí quyển của trái đất bị tích điện âm và khi rớt xuống cơ thể và quần áo ấm áp của ông, bèn bị tích điện dương và triển khai sự gia nhiệt. (Xem "Ảnh hưởng của Tia Màu Xanh lơ" v.v. . ., trang 39,40,41 v.v. . .)

Nếu bạn đọc nhớ lại điều mà các nhà bác học tác giả quyển *Vũ trụ Vô hình* có nói, theo đó một nguyên nhân rất nhỏ nhất như sự triển khai tư tưởng chỉ nội trong một bộ óc của con người cũng dứt khoát gây ảnh hưởng lên chất ether vũ trụ, thì dường như có gì là phi lý đâu khi những xung lực khủng khiếp được truyền cho môi trường chung do vô số bầu tinh đầu chói sáng càn quét khi bay vút qua các "chiều sâu thăm liên tinh tú" lại không ảnh hưởng tới chúng ta và trái đất mà ta sống trên đó với một mức độ mạnh mẽ? Nếu các nhà thiên văn không thể giải thích cho ta định luật huyền bí khiến các hạt vật chất vũ trụ trôi giạt tích tụ lại thành các thế giới để rồi tham gia vào cuộc điều hành hoành tráng vốn không ngừng chuyển động xung quanh một tâm hút nào đó thì làm sao một người nào đó lại có thể nói gì được về việc các ảnh hưởng thần bí có hoặc không thể lướt qua không gian để ảnh hưởng tới những vấn đề sống còn trên hành tinh này hay hành tinh kia? Ta hầu như chẳng biết gì về những định luật từ khí và những tác nhân khác không cân đong đo đếm được; ta hầu như chẳng biết gì về tác dụng của chúng đối với cơ thể và tâm trí của ta; thậm chí điều được biết rõ và hơn nữa được chứng minh hoàn toàn thì lại bị gán cho là ngẫu nhiên và *trùng hợp* kỳ diệu. Nhưng do những sự trùng hợp ấy, chúng ta biết rằng ^[1] "có những thời kỳ mà một vài bệnh tật, khuynh hướng, vận may và vận rủi của loài người lại hoành hành nhiều hơn những thời kỳ khác? Có những thời kỳ dịch bệnh trong các sự việc về vật thể và đạo đức. Trong một thời kỳ này thì "tinh thần tranh cãi về tôn giáo ắt kích thích những đam mê cuồng nhiệt nhất mà bản chất con người dễ bị ảnh hưởng, kích động sự hành hạ lẫn nhau, sự đổ máu và chiến tranh; trong một thời kỳ khác, một dịch bệnh chống đối lại nhà cầm quyền hợp hiến ắt lan tràn trên ½ thế giới (chẳng hạn như vào năm 1848), nhanh chóng và đồng thời như sự xáo trộn cơ thể độc hại nhất".

Lại nữa *tính cách tập thể* của các hiện tượng tâm trí được minh họa qua một tình huống tâm lý bất bình thường xâm chiếm và khống chế cả ngàn người, tước bỏ hết mọi thứ của họ ngoại trừ hành vi tự động và làm nảy sinh ra ý kiến của quần chúng cho rằng bị ma ám, ý kiến này theo một ý nghĩa nào đó được biện minh qua những hành vi xúc động và đam mê quái quái kèm theo tình huống đó. Trong một thời kỳ khác, tập thể lại có khuynh hướng ẩn dật và chiêm nghiệm; vì thế cho nên mới có vô số kẻ ái mộ cách sống theo nhà tu và ẩn sĩ; trong một thời kỳ khác thì cơn điên lại hướng về *hành động* với cứu cánh được đề nghị là một kế hoạch không tưởng nào đó vừa thiếu thực tế vừa vô ích; vì thế cho nên vô số người đã từ bỏ thân quyến, nhà cửa và xứ sở để mưu tìm vùng đất có đá là vàng hoặc phát động cuộc chiến tranh tuyệt chủng để chiếm hữu những đô thị chẳng có giá trị và những sa mạc chẳng có đường đi ^[2].

Tác giả của quyển sách mà ta trích dẫn nêu trên có bảo rằng "mầm mống của thói xấu và tội ác dường như đã được gieo trồng bên dưới bề mặt của xã hội, nó nảy nở và đơm bông kết trái nhanh chóng để sợ và liên tiếp làm cho ta tê liệt".

Khoa học vẫn lặng thinh đối với những hiện tượng nổi bật như thế; nó thậm chí không thử ra sức phỏng đoán xem nguyên nhân của chúng là gì và dĩ nhiên là vì nó chưa học cách nhìn vượt ra khỏi quả địa cầu mà ta sống trên đó với bầu khí

^[1] Theo ý kiến chúng tôi, điều "trùng hợp kỳ diệu" nhất trong mọi điều trùng hợp đó là việc các nhà khoa học dẹp sang một bên những sự kiện đủ nổi bật để khiến cho họ phải dùng một cách diễn tả như thế nhằm nói chúng, thay vì khởi sự làm việc để cung ứng cho ta một lời giải thích triết học cũng về điều đó.

^[2] Xem Charles Elam, Bác sĩ Y khoa; tác phẩm "Các vấn đề của Y sĩ", xuất bản ở Luân đôn năm 1869, trang 159.

quyển nặng nề để xem có ảnh hưởng ẩn tàng nào đang từng ngày (thậm chí từng phút) ảnh hưởng tới ta. Nhưng cổ nhân (mà ông Proctor giả định rằng “dốt nát”) nhận thức rõ được sự kiện mối tương quan giữa các hành tinh cũng hoàn hảo như giữa các huyết cầu vốn trôi nổi trong một lưu chất chung; và mỗi thứ chịu ảnh hưởng tổ hợp của mọi thứ còn lại, và đến lượt mỗi thứ lại ảnh hưởng tới những thứ khác. Cũng như các hành tinh khác nhau về kích thước, khoảng cách và hoạt động; cũng vậy xung lực của chúng trên chất ether tức ánh sáng tinh tú cũng có cường độ khác nhau cùng với những lực từ và những lực tinh vi khác mà chúng bức xạ ra qua một vài thể chiếu trên bầu trời. Âm nhạc là sự tổ hợp và biến điệu của âm thanh, còn âm thanh là tác dụng do chất ether rung động. Thế mà nếu các xung lực do các hành tinh khác nhau truyền cho chất ether có thể ví như các cung bậc do các nốt nhạc khác nhau của một nhạc cụ tạo ra, thì chẳng khó khăn gì ta cũng quan niệm được “âm nhạc của các tinh cầu” của Pythagoras là một điều gì đó đâu phải chỉ là hoang tưởng và một số thể chiếu của hành tinh có thể hàm ý sự nhiễu loạn trong chất ether của hành tinh ta, còn một số thể chiếu khác hàm ý sự yên nghỉ và hài hòa. Một vài loại âm nhạc kích động ta đến điên cuồng, một vài loại khác nâng cao linh hồn ta lên tới những hoài bão tôn giáo. Rốt cuộc thì hầu như không có một tạo vật con người nào mà lại không đáp ứng với một vài rung động của bầu khí quyển. Điều này cũng đúng đối với các màu sắc, một số kích động ta còn một số xoa dịu và làm cho ta thích thú. Người nữ tu mặc bộ đồ đen để tiêu biểu cho sự chán nản của một đức tính bị đè bẹp vì ý thức phạm tội tổ tông; cô dâu mặc bộ đồ màu trắng, màu đỏ kích động cơn giận dữ của một vài con thú. Nếu chúng ta và thú vật mà chịu ảnh hưởng của những rung động ở mức độ rất nhỏ nhặt như thế thì tại sao xét theo toàn khối, chúng ta lại không chịu ảnh hưởng của những rung động tác động trên qui mô lớn do ảnh hưởng tổ hợp của các tinh tú?

Tiến sĩ Elam có nói rằng: “Chúng ta biết rằng một vài tình huống bệnh lý có khuynh hướng trở thành dịch bệnh *chịu ảnh hưởng của những nguyên nhân chưa ai khảo cứu*. . . Chúng ta thấy khuynh hướng của những ý kiến một khi đã được truyền bá thì sẽ lan tỏa mạnh xiết bao thành ra một dạng bệnh dịch – cũng chẳng hề quá phi lý khi giả định rằng không một ý kiến, sự mê sảng nào mà lại không mang tính tập thể. Chúng ta cũng quan sát thấy những ý tưởng giống như thế lại được sinh sôi nảy nở mạnh mẽ và *tái xuất hiện trong những thời đại liên tiếp*. . . không một tội ác nào khủng khiếp bằng việc nó trở thành chuyện giết người, giết con nít, tự tử, đầu độc hoặc bất kỳ quan niệm bình dân nào đầy tính quái quái của con người. . .

Trong cơn dịch bệnh, nguyên nhân của việc lan tràn nhanh chóng vào một thời kỳ đặc biệt *vẫn còn là một bí ẩn!*”

Vài dòng này cũng chứa đựng một sự thật *tâm lý học* không chối bỏ được mà một văn tài kiệt xuất đã phác họa, đồng thời *phần nào* thú nhận rằng mình hoàn toàn dốt đặc - “*Các nguyên nhân chưa ai khảo cứu*”. Tại sao không trung thực và nói thêm tức khắc rằng “*không thể khảo cứu bằng những phương pháp hiện nay của khoa học?*”

Khi lưu ý tới căn bệnh dịch chấy nhà, Tiến sĩ Elam trích dẫn trong *Biên niên sử trong môn Vệ sinh Công cộng* những trường hợp sau đây: “Một cô gái chừng 17 tuổi bị bắt giữ vì tình nghi. . . Cô thú nhận rằng mình đã hai lần nổi lửa đốt nhà do *bản năng là điều cốt yếu không cưỡng lại được*. . . Một cậu con trai chừng 18 tuổi nhiều lần phạm phải hành vi có bản chất này. Động cơ thúc đẩy cậu không phải là bất kỳ đam mê nào, nhưng việc ngọn lửa bùng lên kích thích một xúc cảm dễ chịu sâu sắc.

Ai mà chẳng chú ý tới những diễn biến giống như thế trong các cột báo trên báo hằng ngày? Chúng ta thường xuyên đọc thấy chúng. Trong những trường hợp giết người theo đủ mọi kiểu và những tội ác khác có tính cách quái quỷ thì cứ chín trong mười trường hợp, phạm nhân lại gán hành vi đó cho những *sự ám ảnh không chống lại được*. “*Một điều gì đó* thường xuyên thì thào trong tai tôi . . . Có ai đó không ngừng thúc đẩy tôi và dẫn dắt tôi”. Đây là những lời thú nhận mà các phạm nhân rất thường thổ lộ. Các y sĩ gán chúng cho ảo giác của những bộ óc lệch lạc và gọi xung lực giết người là *cơn điên* nhất thời. Nhưng liệu có nhà tâm lý học nào hiểu được cơn điên chưa? Hay là nguyên nhân của nó chỉ được gọi ra theo giả thuyết có thể chịu đựng được sự thử thách của nhà khảo cứu không chịu thỏa hiệp? Mong sao những tác phẩm tranh biện của những kẻ mất trí thời nay sẽ giải đáp được cho chính họ.

Plato thừa nhận rằng con người là trò chơi của yếu tố tất yếu mà y đã nhập vào khi y xuất hiện trên thế giới vật chất này; y chịu ảnh hưởng của những nguyên nhân bên ngoài và các nguyên nhân này là *ma quỷ*, giống như ma quỷ của Socrates. Hạnh phúc thay cho kẻ nào chỉ thuần túy là thể chất vì nếu hồn *bên ngoài* của y (thể xác) là thanh khiết thì nó sẽ củng cố cho hồn thứ nhì (thể tinh vi) tức là anh hồn mà ông gọi là *hồn cao cấp hữu hoại*; mặc dù có thể đi lệch khỏi những động cơ thúc đẩy của chính mình, nhưng anh hồn luôn luôn về phe với lý trí để chống lại những xu hướng đầy thú tính của thể xác. Nhục dục của con người là hậu quả của thể vật chất hữu hoại của y, các bệnh tật khác cũng thế; nhưng mặc dù ông coi tội ác đôi khi là *không tự ý* vì chúng là kết quả của những nguyên nhân bên ngoài giống như bệnh tật của thể xác, song Plato đã phân biệt rõ ràng giữa các *nguyên nhân* này. Thuyết định mệnh mà ông chấp nhận cho loài người không loại bỏ khả năng tránh được sự tiền định, vì con người *tất yếu* phải chịu đau khổ, sơ hãi, giận dữ và những xúc cảm khác, nhưng “nếu họ chinh phục được những xúc cảm này thì họ sẽ sống công chính, còn nếu họ bị các xúc cảm ấy chế ngự thì họ sẽ sống *bất chính*”^[1].

Con người *lượng tính* – nghĩa là người mà hồn *bất tử* thiêng liêng đã rời bỏ y chỉ để lại xác phàm đầy thú tính và anh hồn (mà Plato gọi là hồn cao cấp *hữu hoại*) – bị bỏ mặc cho những *bản năng* của mình do y bị đủ mọi điều xấu xa đi kèm theo vật chất chế ngự mình; vì thế cho nên y trở thành một dụng cụ ngoan ngoãn trong tay *giới vô hình* vốn là những sinh linh bằng vật chất tinh vi, lờn vờn trong bầu hào quang của ta và sẵn sàng xúi bẩy những kẻ nào xứng đáng bị bỏ rơi bởi vị cố vấn *bất tử* của mình tức Tinh thần Thiêng liêng mà Plato gọi là “*thiên thần hộ mệnh*”^[2]. Theo triết gia vĩ đại và điếm đạo này thì “kẻ nào sống tốt đẹp cho tới giờ đã định sẽ trở về chỗ trú nơi *ngôi sao chiếu mệnh của mình*, sống ở đó một cuộc đời đầy ơn phước thích hợp. Nhưng nếu y thất bại không đạt được mục tiêu ấy thì trong đời thứ nhì y sẽ chuyển thành *người đàn bà* – trở nên bơ vơ và yếu đuối như đàn bà –^[3] và nếu trong tình huống đó mà y không chịu ngừng

[1] Jowett: tác phẩm “Timæus”.

[2] Như trên.

[3] Theo thuyết điện dương và điện âm của Tướng Pleasonton vốn là nền tảng cho mọi hiện tượng tâm lý học, sinh lý học và vũ trụ thì việc lạm dụng chất kích thích rượu biến người đàn ông thành đàn bà và *ngược lại*, do làm thay đổi *điện* của y. Tác giả nói: “Khi sự thay đổi tình huống điện đã xảy ra thì các thuộc tính (của kẻ nghiện rượu) trở nên *nữ tính*, y dễ cáu kỉnh, vô lý, dễ bị kích động . . . trở nên bạo động và nếu y gặp vợ mình mà tình trạng điện bình thường giống như trạng thái điện dương hiện nay của y thì họ sẽ đẩy nhau, chửi rủa nhau, xung đột với nhau và đánh nhau chí tử để rồi báo chí ngày hôm sau loan báo phán quyết của đoàn pháp y giao nghiệm xác chết về vụ án này. . . Ai trông mong khám phá ra được nguyên nhân di động của mọi tội ác khủng khiếp nơi

làm điều ác thì y sẽ chuyển kiếp thành một con thú nào đó giống y về những lối sống xấu xa và không ngừng phải lao động vất vả chuyển hóa cho đến khi y noi theo nguyên lý bản sơ về tính đồng nhất bên trong mình rồi nhờ có ý chí chế ngự được những chất tiết ra từ các *yếu tố* não động và phi lý (tinh linh ngũ hành) hợp thành lửa, gió, nước, đất, rồi trở lại hình tướng của bản chất nguyên sơ tốt đẹp hơn”^[1].

Nhưng Tiến sĩ Elam lại nghĩ khác. Ở trang 194, trong quyển sách của mình, “Những Vấn đề của một Y sĩ”, ông bảo rằng nguyên nhân của việc nhanh chóng lan tràn một vài bệnh dịch mà ông nhận thấy là “vẫn còn bí mật”, nhưng xét về nạn cháy nhà thì ông nhận xét rằng “trong mọi điều này chúng tôi thấy chẳng có gì là bí mật, mặc dù cơn dịch bệnh đã phát triển mạnh mẽ. Thật là mâu thuẫn kỳ lạ! Trong tài liệu tựa đề “Sự Giết người được coi là một trong các Mỹ nghệ”, De Quincey có bàn tới bệnh dịch ám sát xảy ra giữa thời khoảng 1588 và 1635 khiến cho bảy nhân vật xuất sắc đương thời mất mạng trong tay của những kẻ sát nhân, cả ông lẫn bất kỳ nhà bình luận nào khác đều không giải thích được nguyên nhân bí ẩn của cơn cuồng loạn giết người này.

Nếu chúng ta thúc ép những nhà quý phái này giải thích (vì tự xưng là triết gia nên họ bắt buộc phải giải thích) thì họ sẽ trả lời ta rằng sẽ hợp *khoa học* hơn nhiều khi gán cho những bệnh dịch ấy là “sự nao động tâm trí”, “. . . một thời kỳ kích động chính trị (năm 1830)”, “. . . việc bắt chước và thôi thúc”, “. . . những đứa trẻ trai vô công rồi nghề và dễ bị kích động”; “những đứa bé gái *cuồng thần kinh*” so với việc mưu tìm một cách phi lý việc kiểm chứng các truyền thuyết mê tín dị đoan theo giả thuyết về ánh sáng tinh tú. Chúng tôi thấy dường như là nếu do một định mệnh thiên hựu nào đó, *chúng cuồng thần kinh* bị biến mất hoàn toàn ra khỏi hệ thống của loài người, thì hội đoàn huynh đệ y học ắt hoàn toàn bối rối không biết giải thích làm sao về một lớp rộng lớn các hiện tượng giờ đây được thuận tiện phân loại dưới đề mục “những triệu chứng bình thường của một vài tình huống bệnh lý thuộc các trung khu thần kinh”. Từ đó trở đi chúng cuồng thần kinh đã là chỗ dựa chính yếu của các nhà bệnh lý học đa nghi. Nếu một cô gái nhà quê nhếch nhác đột nhiên bắt đầu nói lưu loát những ngoại ngữ khác nhau mà cho tới lúc đó cô chưa hề quen biết và còn làm thơ nữa thì đó là “chúng cuồng thần kinh”. Nếu một người đồng cốt khinh thân ngay trước mắt hàng tá nhân chứng đem (đi ra) theo một cửa sổ ở tầng ba (mang) và trở về qua một tầng khác thì đó là “sự xáo trộn các trung khu thần kinh có kèm theo một sự hoang tưởng cuồng thần kinh *tập thể*”^[2]. Nếu một con chó săn Tô cách lan bị tóm bắt trong phòng lúc hiện hình, rồi bị một bàn tay vô hình quăng ngang qua phòng khi nó bay bổng lên đã chết cứng mà lại làm vỡ toang một cái đuôi đèn trên trần nhà cao 18 bộ rồi rớt xuống chết ngắc thì đó là “*ảo giác về con chó!*”^[3].

Trong tác phẩm *Câu chuyện kỳ lạ* của Bulwer Lytton, Tiến sĩ Fenwick có nói rằng “khoa học thật sự không có đức tin, khoa học thật sự chỉ biết có ba trạng thái tâm trí: chối bỏ, tin chắc mẫm và một khoảng rộng lớn trung gian giữa hai cực đoan này vốn không phải là đức tin mà chỉ là *việc trì hoãn sự phán đoán*. Có lẽ đó là khoa học thật sự ở thời Tiến sĩ Fenwick. Còn khoa học thật sự ở thời hiện

sự toát mồ hôi của kẻ phạm tội? Thế nhưng khoa học đã chứng tỏ rằng sự biến hóa *một người đàn ông thành đàn bà* bằng cách thay đổi trạng thái điện âm thành điện dương của phụ nữ với mọi thuộc tính của nó, lại được tiết lộ qua tính cách tiết mồ hôi của y được gia thêm do việc dùng chất kích thích rượu”. (“Ảnh hưởng của Tia màu Xanh lơ”, trang 119).

^[1] Plato, tác phẩm “Timæus”.

^[2] Littré: “Tập chí Hai Thế giới”.

^[3] Xem des Mousseaux, tác phẩm “Công trình của Ma quỷ”.

đại tiến hành theo kiểu khác; hoặc là nó chối bỏ thẳng thừng mà trước đó không hề khảo cứu, hoặc là nó lửng lơ giữa việc chối bỏ và tin chắc mẫm, tay lăm lăm cầm cuốn tự điển sáng chế ra những tên gọi mới bằng tiếng Hi Lạp hoặc La tinh để chỉ đủ thứ cuồng thần kinh không hề tồn tại!

Những nhà thần nhãn và những cao đồ cao tay ấn về thuật thôi miên mesmer đã thường mô tả những dịch bệnh trên cõi trần (mặc dù những người khác không thấy được) mà khoa học gán cho là chứng động kinh, những rối loạn thần kinh huyết học và có nguồn gốc *vật thể* chứ không phải như tầm nhìn sáng tỏ của họ nhìn thấy chúng trong ánh sáng tinh tú. Họ quả quyết rằng những "làn sóng điện" nhiễu loạn mạnh mẽ và họ nhận ra được một mối quan hệ trực tiếp giữa sự nhiễu loạn chất ether này và cơn dịch bệnh vật thể hoặc tâm trí đang hoành hành lúc đó. Nhưng khoa học đâu thèm để ý tới họ mà cứ tiếp tục công trình lao động bách khoa tự điển nhằm sáng chế ra những tên gọi mới mẻ để chỉ những chuyện xưa cũ.

Du Potet, ông hoàng của các nhà thôi miên mesmer Pháp có nói rằng: "Lịch sử vẫn ghi lại những câu chuyện đáng buồn về thuật phù thủy. Những sự kiện này rất thực và dễ dàng bị đổ thừa cho những tệ nạn dễ sợ của thuật ấy bị lạm dụng quái gở! . . . Nhưng tôi biết đi tìm thuật ấy ra sao? Tôi học được nó ở đâu? Trong tư tưởng của tôi ư? Không đâu, chính *thiên nhiên* mới khám phá ra điều bí mật cho tôi. Bằng cách nào? Bằng cách tạo ra ngay trước mắt tôi những sự kiện không chối bỏ được về thuật phù thủy và pháp thuật mà không cần phải chờ tôi tìm kiếm . . . Xét cho cùng thì giấc ngủ của kẻ mộng du là gì? *Đó là kết quả của mãnh lực pháp thuật*. Và đâu là điều xác định những hấp lực này, *những xung lực đột ngột* này, những dịch bệnh mê sảng này, những cơn điên rồ, ác cảm, cơn kịch phát bệnh – những cơn co quắp mà *bạn có thể khiến cho kéo dài mãi?* . . . Đâu là điều xác định chúng nếu không phải là *chính cái nguyên tắc* mà chúng tôi sử dụng, cái tác nhân mà *cổ nhân dứt khoát là biết rõ?* Bạn gọi nó là lưu chất thần kinh hoặc *từ khí* còn cổ nhân gọi nó là *quyền năng huyền bí*, hoặc mãnh lực của linh hồn, là sự chế ngự, là PHÁP THUẬT".

Pháp thuật vốn dựa vào sự tồn tại của một thể giới hỗn hợp ở *bên ngoài* chứ không phải *bên trong* ta, và ta khởi sự giao tiếp được với nó khi dùng một vài thuật và phép thực hành . . . Đó là một yếu tố *tồn tại trong thiên nhiên* mà hầu hết mọi người đều không biết, nó khống chế một người, làm y héo mòn và suy sụp cũng như cơn bão dễ sợ quét sạch một cây cỏ chi; nó làm người ta tản mác ra cả *ngàn chỗ* trong *cùng một lúc* mà không nhận thức được kẻ thù vô hình hoặc có thể tự vệ được. . . tất cả mọi điều này đều được *chứng minh*; nhưng yếu tố này có thể chọn bạn và tuyển lựa những người được *ưu ái*, tuân theo *tư tưởng* của họ, trả lời cho tiếng nói của con người và hiểu được ý nghĩa của *những ký hiệu được vạch ra*; đó là điều thiên hạ không nhận thức được, mà *lý trí của họ bác bỏ* nhưng *chính tôi đã chứng kiến*; ở đây tôi nêu lên sự thật này một cách mạnh mẽ nhất và đó là *một sự thật* đã được chứng tỏ mãi mãi" ^[1].

"Nếu tôi đi vào chi tiết nhiều hơn thì người ta có thể dễ dàng hiểu được rằng *xung quanh* ta cũng như ở *nơi chính bản thân ta* có tồn tại những sinh linh bí nhiệm vốn có *quyền năng* và *hình dáng*, vốn tùy ý xuất nhập, mặc dù cửa khép kín" ^[2]. Hơn nữa, nhà thôi miên vĩ đại còn dạy ta rằng năng lực điều khiển lưu chất này là một "tính chất vật thể bắt nguồn từ tổ chức của ta . . . nó đi xuyên qua mọi vật thể . . . Ta có thể dùng mọi thứ để truyền dẫn các thao tác pháp thuật, và đến lượt thứ này sẽ giữ lại được khả năng tạo ra các hiệu ứng". Đây là

[1] Du Potet: "Vén màn bí mật Pháp thuật", trang 52- 147.

[2] Như trên, trang 201.

thuyết thông dụng đối với mọi triết gia phái Hermes. Đó là quyền năng của lưu chất mà "*không một lực hóa học hoặc vật lý nào có thể tiêu diệt được . . . Giữa những lưu chất không cân đong đo đếm được mà nhà vật lý đã biết và lưu chất từ khí động vật này chẳng có bao nhiêu sự tương tự*" [1].

Nếu giờ đây ta tham chiếu thời trung cổ thì ngoài những điều khác ra, ta thấy Cornelius Agrippa cũng nói với ta điều giống hệt như thế: "Lực vũ trụ hằng biến dịch, 'hồn vũ trụ', có thể làm sinh sôi nảy nở bất cứ thứ gì bằng cách truyền những tính chất thiên giới của mình cho thứ đó. Khi được sắp xếp theo công thức mà *khoa học* giảng dạy thì những vật này nhận được năng lực truyền cho ta đức tính của chúng. Chỉ cần ta đeo chúng thì ắt thấy ngay chúng tác động lên phần hồn cũng như phần xác . . . Do sự kiện có cùng bản thể với mọi tạo vật cho nên hồn người có một *quyền năng mẫu nhiệm*. Kẻ nào sở hữu bí quyết thì có thể vươn cao về mặt khoa học và tri thức tới mức mà óc tưởng tượng có thể vươn đến được, nhưng y chỉ làm được việc đó với điều kiện là phải trở nên hiệp nhất mật thiết với lực vũ trụ này . . . Lúc bấy giờ sự thật – ngay cả tương lai – cũng hiện diện trước mắt linh hồn; và sự kiện này cũng đã được chứng tỏ nhiều lần đối với những việc sắp xảy ra khi người ta nhìn thấy và mô tả chúng trước thời hạn . . . thời gian và không gian biến mất trước con mắt chim ưng của linh hồn bất tử . . . quyền năng của nó trở nên vô biên . . . nó có thể bay lướt qua không gian và bao phủ một người *bất kể y ở khoảng cách nào*; nó có thể chìm xuống xuyên thấu qua y, khiến y nghe được tiếng nói của người vốn là chủ nhân ông phần hồn dường như thể người đó đang ở trong phòng" [2].

Nếu không sẵn sàng mưu tìm bằng chứng hoặc nhận được thông tin từ triết lý Hermes thời trung cổ, ta có thể đi lui xa hơn nữa vào thời xưa và tuyển lựa ra từ đoàn thể lớn các triết gia thời tiền Ki Tô, một người mà ít ra ta không thể tổ cáo là mê tín dị đoan hoặc cả tin được – đó là Cicero. Khi nói về những vị mà ông gọi là *thần linh* hoặc là người hoặc là chơn linh trong bầu hào quang, nhà hùng biện già nua có nói: "Chúng ta biết rằng trong số mọi sinh linh thì con người có hình dáng tốt nhất và vì chơn thần linh thuộc vào trong số này cho nên họ ắt phải có hình dạng người . . . Tôi không ngụ ý nói rằng chơn thần linh có cơ thể và máu chảy trong cơ thể; nhưng tôi bảo rằng trông họ *dường như thể* có cơ thể và máu chảy trong đó . . . Epicurus (đối với ông thì những vật ẩn tàng cũng rành rành như thể ông đã dùng ngón tay chạm vào chúng) dạy ta rằng chơn thần linh thường thường là không thấy được nhưng có thể *hiểu được*; họ không có cơ thể tương đối rần chắc . . . nhưng ta có thể nhận ra họ bằng hình ảnh *thoáng qua* nghĩa là có đủ *nguyên tử* trong không gian vô hạn để *tạo ra những hình ảnh như thể* trước mắt ta . . . và khiến cho ta nhận thức được đây là những thực thể bất tử hạnh phúc" [3].

Đến lượt Levi có nói: "Khi một điểm đạo đồ đã trở nên *sáng suốt* hoàn toàn thì ngài tùy ý giao tiếp và điều khiển được các rung động *từ khí* trong khối ánh sáng tinh tú . . . Khi được biến thành ánh sáng con người vào lúc thụ thai thì *ánh sáng ấy* trở thành *lớp vỏ đầu tiên của linh hồn*; bằng cách tổ hợp với những lưu chất tinh vi nhất, nó tạo nên một thể tinh anh tức *bóng ma tinh đầu* vốn *chỉ* hoàn toàn bị tháo rời ra vào lúc chết" [4]. Bí quyết lớn của bậc *pháp sư* cao tay ẩn là phóng chiếu thể tinh anh này ra tới bất cứ khoảng cách nào, khiến cho nó thuộc

[1] Nam tước Du Potet: "Bài giảng Từ khí", trang 17-108.

[2] "Bàn về Triết học Huyền bí", trang 332-358.

[3] Cicero: "Bàn về Bản chất của Chơn thần", quyển I, chương xviii.

[4] Eliphas Levi

ngoại giới nhiều hơn và rành rành nhiều hơn bằng cách làm ngưng tụ các làn sóng của bản thể tổ phụ lên trên hình tướng lưu động của nó.

Pháp thuật thông thần là biểu hiện cuối cùng của khoa tâm lý huyền bí. Các hàn lâm viện sĩ bác bỏ nó là ảo giác của những bộ óc bệnh hoạn hoặc đóng dấu ô nhục lên nó là lang băm. Chúng tôi mạnh mẽ chối bỏ việc họ có quyền bày tỏ ý kiến về một đề tài mà họ chưa từng khảo cứu. Trong tình trạng hiểu biết hiện nay, họ không có quyền xét đoán pháp thuật và Thần linh học, cũng chẳng khác nào thổ dân ở đảo Fiji không có quyền đánh bạo bày tỏ ý kiến về các công trình lao động của Faraday hoặc Agassiz. Bất cứ ngày nào họ cũng có thể làm được mọi điều để sửa chữa sai lầm của ngày trước đó. Cách đây gần 3.000 năm, trước cả thời Pythagoras, các triết gia thời xưa đã khẳng định rằng ánh sáng có khối lượng vì vậy là *vật chất* và ánh sáng là lực. Vì Newton có một vài điều thất bại không giải thích được cho nên thuyết hạt ánh sáng bị chế nhạo và người ta chấp nhận thuyết sóng ánh sáng, nó tuyên bố rằng ánh sáng *không có khối lượng*. Thế mà giờ đây thế giới lại sững sốt khi ông Crookes *cân* được ánh sáng bằng bức xạ kế của mình! Môn đồ Pythagoras chủ trương rằng, mặt trời cũng như các ngôi sao không phải là *cội nguồn* của ánh sáng và nhiệt, chúng chỉ là một đại diện thôi; nhưng các trường phái thời nay thì dạy ngược lại.

Ta cũng có thể nói giống như vậy về luật hấp dẫn của Newton. Theo đúng học thuyết của Pythagoras, Plato cho rằng hấp dẫn chẳng là một định luật về việc các vật thể nó bị từ khí hút về các vật thể lớn, mà còn có trường hợp từ khí đẩy những vật cùng cực tính và hút những vật khác cực tính. Ông bảo rằng: "Những sự vật được đưa lại gần nhau mà có bản chất ngược nhau thì tự nhiên là phải xung đột và đẩy nhau ra" ^[1]. Ta không thể cho rằng điều này là sức đẩy tất yếu phải xảy ra giữa các vật thể có tính chất khác nhau, nó chỉ có nghĩa là khi những vật thể tự nhiên đối nghịch nhau mà được dí sát vào gần nhau thì chúng ắt đẩy nhau. Các nghiên cứu của Bart và Schweigger khiến ta không còn nghi ngờ gì nữa về việc cổ nhân đã quá quen thuộc với tính chất hút lẫn nhau của sắt và đá nam châm thiên nhiên, cũng như tính chất dương và âm của điện, cho dù họ có gọi nó là gì đi chăng nữa. Đối với họ, những quan hệ từ tính hỗ tương của các tinh cầu hành tinh (vốn đều là nam châm) là một sự kiện đã được chấp nhận; chẳng những họ gọi thiên thạch là đá từ tính mà họ còn dùng chúng trong các Bí pháp với những mục đích mà giờ đây ta áp dụng cho nam châm. Do đó khi Giáo sư A. M. Mayer của Viện Công nghệ Stevens, vào năm 1872, nói với Câu lạc bộ Khoa học Yale rằng trái đất là một nam châm lớn và "bất cứ khi nào đột nhiên có sự xáo trộn bề mặt của mặt trời thì từ trường của trái đất cũng bị mất thăng bằng nghiêm trọng, gây ra những cơn co giật rung động trong nơi các nam châm của đài quan sát thiên văn và tạo ra các đợt bùng nổ lớn của cực quang, những ngọn lửa lở mờ của chúng nhảy múa nhịp nhàng theo điệu run rẩy của kim la bàn" ^[2] thì ông chỉ lập lại bằng tiếng Anh bác học những gì đã được giảng dạy bằng tiếng thổ ngữ Doric bác học của Hi Lạp biết bao nhiêu thế kỷ trước khi triết gia đầu tiên thời Ki Tô nhìn thấy ánh sáng khi chào đời.

Những điều nhiệm mầu mà các tu sĩ về pháp thuật thông thần đã hoàn thành đều được kiểm chứng hoàn toàn và bằng chứng – nếu sự chứng nhận của

^[1] Tác phẩm "Timæus". Những cách diễn đạt như thế mà Giáo sư Jowett nêu rõ trong phần Dẫn nhập của mình cho thấy Plato có dạy các vật giống nhau thì hút nhau. Nhưng một điều khẳng định như thế té ra là việc triết gia vĩ đại thậm chí chẳng biết một kiến thức sơ cấp về các định luật của cực từ.

^[2] Alfred Marshall Mayer, Tiến sĩ chuyên khoa: "Trái đất là một Nam châm lớn", bài thuyết trình được đọc ở Câu lạc bộ Khoa học Yale, ngày 14, tháng 2, năm 1872.

con người có chút giá trị nào đó – áp đảo đến nỗi ngài David Brewster mộ đạo chẳng thà chấp nhận cho các tu sĩ nêu trên hết sức am tường về vật lý học và mọi điều thuộc về triết lý tự nhiên, còn hơn là thú nhận rằng các nhà thông thần Ngoại đạo vượt xa các Ki Tô hữu về mặt phép lạ. Khoa học thấy mình lâm vào thế tiến thoái lưỡng nan rất khó chịu. Hoặc là buộc phải thú nhận rằng các nhà vật lý thời xưa hiểu biết nhiều hơn các nhà vật lý thời nay, hoặc là trong thiên nhiên có tồn tại một điều gì đó vượt ngoài tầm khoa học vật lý và *tin thần* có được những quyền năng mà các triết gia chưa bao giờ mơ tới.

Bulwer Lytton có nói: "Lỗi lầm chúng ta mắc phải trong một khoa học nào đó mà chúng ta đã đặc biệt trau dồi, thường thường chỉ lộ ra trước ánh sáng của một khoa học biệt lập khác mà một người khác cũng đặc biệt trau dồi" ^[1].

Ta chẳng có gì phải giải thích dễ dàng hơn so với những khả năng cao nhất của pháp thuật. Do ánh sáng rực rỡ của đại dương từ khí vũ trụ (các làn sóng điện của nó nối kết vũ trụ lại với nhau và chuyển động không ngừng xuyên thấu mọi nguyên tử và phân tử của cơ sáng tạo vô biên), các môn đồ về pháp thuật thôi miên mesmer – cho dù đủ thứ thí nghiệm của họ có thiếu sót đến đâu đi nữa – cũng trực giác nhận được đầu đuôi của bí nhiệm lớn. Chỉ nhờ vào việc nghiên cứu tác nhân này, vốn là thần khí thiêng liêng thì ta mới có thể phát lộ được những bí mật của tâm lý học và sinh lý học, của những hiện tượng vũ trụ và tâm linh.

Psellus có nói rằng: "Pháp thuật tạo thành bộ phận cuối cùng của khoa học tăng lữ. Nó khảo cứu về bản chất, quyền năng và tính chất của mọi vật hạ nguyệt tinh (sub-lunary); khảo cứu các nguyên tố và các bộ phận của chúng, khảo cứu loài thú vật, mọi loài cây cỏ hoa quả đủ thứ và loài khoáng thạch. Tóm lại nó thăm dò bản thể và quyền năng của vạn vật. Vì thế cho nên nó mới tạo ra được các hiệu ứng. Và nó tạo ra những *pho tượng* (đã được từ hóa) mang lại sức khỏe, khiến cho đủ thứ hình tượng và sự vật (bùa) cũng có thể trở thành những công cụ gây ra bệnh tật hoặc mang lại sức khỏe. Lửa thiên giới rất thường được xuất hiện thông qua pháp thuật, thế rồi những pho tượng cười, những ngọn đèn được thắp sáng tự phát" ^[2].

Nếu khám phá thời nay của Galvani có thể làm chuyển động tay chân của một con ếch đã chết và khiến cho mặt người chết biểu cảm bằng cách làm méo mó các đặc điểm của nó, biểu lộ đủ thứ xúc động, từ niềm vui tới cơn giận dữ quỉ quái, nỗi thất vọng và sự khùng khiếp thì trừ phi bằng chứng phối hợp của hầu hết những người đáng tin cậy thời xưa là không đáng tin, còn thì các tu sĩ Ngoại đạo đã hoàn thành những điều kỳ diệu hơn nữa khi làm cho các pho tượng bằng đá và kim loại toát mồ hôi và cười. Lửa *thiên giới* thuần túy trên bàn thờ Ngoại đạo là điện rút ra từ ánh sáng tinh tú. Do đó nếu được chuẩn bị kỹ lưỡng thì các pho tượng có thể có khả năng truyền thụ sức khỏe hoặc bệnh tật do tiếp xúc với nó cũng như bất kỳ dây đai lưng điện sinh học hiện đại nào hoặc bình ắc quy tích đầy điện mà tuyệt nhiên ta không thể tố cáo đó là mê tín dị đoan.

Những nhà kinh viện đa nghi cũng như những nhà duy vật dốt nát trong hai thế kỷ vừa qua đã rất thích thú về những *điều phi lý* mà người viết tiểu sử Pythagoras (tức Iamblichus) đã gán cho Pythagoras. Nghe nói bậc triết gia ở Samos đã thuyết phục một con gấu cái để nó ngưng việc ăn thịt người, ông đã bắt buộc một con chim ưng màu trắng từ trên mây sà xuống ông và ông đã

^[1] "Câu chuyện Kỳ lạ".

^[2] Xem tác phẩm "Pausanias" của Taylor, Thạc sĩ Khoa học Tự nhiên; tác phẩm "Luận về Ma quỷ" của Psellus và tác phẩm "Luận về các Bí pháp Eulesinia và Bí pháp Tửu thần".

khuất phục được nó bằng cách dùng tay vuốt ve nó, nói chuyện với nó. Có một dịp khác, Pythagoras thực sự thuyết phục được một con bò đực bỏ không ăn đậu nữa bằng cách chỉ thì thảo vào tai con vật ^[1]. Ôi, dưới mắt thế hệ được khai sáng của chúng ta thì sự dốt nát và sự mê tín dị đoan của cha ông chúng ta có vẻ lỗ bịch biết chừng nào! Tuy nhiên, ta hãy phân tích điều phi lý này. Ngày nào mà ta chẳng thấy những người thất học làm chủ các gánh xiếc dạo thuần hóa và hoàn toàn khuất phục được những con thú dữ tợn nhất chỉ bằng quyền năng ý chí vô địch của mình. Thậm chí vào lúc này ở Âu châu ta cũng có nhiều cô gái còn trẻ có thể chất bạc nhược còn chưa tới tuổi đôi mươi mà cũng làm giống hết như thế chẳng sợ sệt gì. Mọi người đều đã chứng kiến hoặc nghe nói tới quyền năng dường như là pháp thuật của một số nhà thôi miên mesmer và nhà tâm lý học. Regazzoni, nhà thôi miên mesmer, đã kích động điều kỳ diệu như thế ở Pháp và Luân đôn, đã thành tựu được những chiến công phi thường hơn nhiều so với những gì mà trên kia người ta đã gán cho Pythagoras. Vậy thì tại sao lại buộc tội những người viết tiểu sử cổ nhân chẳng hạn như Pythagoras và Apollonius ở Tyana là cố tình trình bày sai lạc hoặc mê tín dị đoan phi lý? Khi ta nhận thức được rằng đa số những người nghi ngờ quyền năng pháp thuật mà các triết gia thời xưa có được, những người cười nhạo thần phổ của cổ nhân và những điều sai trái trong thần thoại, song le lại mặc nhiên tin theo những điều được ghi chép và linh hứng trong Thánh kinh, hầu như chẳng dám nghi ngờ ngay cả điều quái dị phi lý là Joshua chặn đứng được lộ trình của mặt trời, thì chúng ta chỉ còn biết nói *Amen* với lời quở trách đúng đắn của Godfrey Higgins, ông bảo rằng: "Khi tôi thấy những người có học mà tin vào *Sáng thế ký theo nghĩa đen* - cổ nhân mặc dù có khiếm khuyết vẫn thừa đủ ý thức để chỉ tiếp nhận *Sáng thế ký* là chuyện ẩn dụ - thì tôi không khỏi nghi ngờ thực tại về sự cải thiện tâm trí con người"^[2].

Một trong rất ít nhà bình luận về các tác giả tiếng La tinh và tiếng Hi Lạp thời xưa đó là Thomas Taylor, ông đã tưởng thưởng xứng đáng cho cổ nhân về sự phát triển trí tuệ của họ. Trong bản dịch tác phẩm *Cuộc đời Pythagoras* của Iamblichus, ta thấy ông nhận xét như sau: "Vì Pythagoras (theo như Iamblichus cho ta biết) được nhập môn vào mọi Bí pháp ở Byblus và Tyre, được khai tâm về những thao tác linh thiêng của người Syria, được nhập môn vào các Bí pháp của người Phoenicia, cũng như ông sống 22 năm trong mật điện của các đền thờ Ai Cập cùng với các pháp sư ở Babylon để được họ giáo huấn về tri thức khả kính của mình, cho nên tuyệt nhiên chẳng có gì lấy làm lạ khi ông thông thạo về pháp thuật hoặc thuật thông thần, do đó ông có thể thực hiện những điều vượt quá quyền năng của chỉ một người phàm và dường như hoàn toàn không tin được đối với những kẻ dung tục"^[3].

Dưới mắt họ, chất ether vũ trụ đâu chỉ là một điều nào đó lan tỏa, bị bỏ trống trong khắp cả khoảng rộng rãi của cõi trời; nó là một đại dương vô biên cũng có cư dân, giống như biển quen thuộc với ta có những tạo vật nhỏ nhỏ và quái dị, mỗi phân tử của biển đều có các mầm mống. Cũng giống như loài cá lúc nhúc trong đại dương và những nơi nhỏ hơn có nước, mỗi loài đều *cư trú* ở một nơi nào đó thích hợp nhất với nó, một số thì thân hữu còn một số thì thù nghịch với con người, một số nhìn thú vị còn một số nhìn thấy dễ sợ, một số rút vào những xó xỉnh yên lặng và hải cảng kẹt giữa đất liền, còn một số bơi tung tăng giữa biển cả; cũng vậy đủ thứ loài tinh linh *ngũ hành* được họ tin rằng ở những

^[1] Iamblichus: tác phẩm "Cuộc đời của Pythagoras".

^[2] Tác phẩm "Anacalypsis", quyển I, trang 807.

^[3] Iamblichus: tác phẩm "Cuộc đời Pythagoras", trang 297.

vùng khác nhau trong đại dương ether và thích ứng ăn khớp với điều kiện sống của riêng mình. Miễn là ta nhớ tới sự kiện khi các hành tinh lướt qua không gian ắt phải tạo ra một sự nhiễu loạn hoàn toàn trong môi trường tế vi và đàn hồi này, cũng giống như khi một viên đạn đại bác bay vút qua không khí hoặc một tàu thủy lướt trên mặt nước thì trên qui mô vũ trụ, ta cũng có thể hiểu được rằng một vài thể chiếu của hành tinh (cứ thừa nhận rằng các tiên đề của ta là chính xác) có thể tạo ra nhiễu động dữ dội và khiến cho các dòng ether chảy mạnh hơn theo một hướng nào đó so với những hướng khác. Nếu ta đã chấp nhận những tiên đề như thế thì ta cũng có thể hiểu được tại sao do đủ thứ thể chiếu của các tinh tú như vậy, cả đám tinh linh ngũ hành thân hữu hoặc thù ghét có thể tuôn đổ vào bầu hào quang của ta, hoặc một bộ phận đặc thù nào đó của nó và gây ra sự kiện mà ta thẩm định được qua những hiệu ứng là hậu quả của chúng.

Theo giáo lý cổ truyền thì các tinh linh ngũ hành vô hồn được tiến hóa ra do sự vận động không ngừng cố hữu nơi ánh sáng tinh tú. Ánh sáng là lực và lực được *ý chí* tạo ra. Vì ý chí này xuất phát từ đấng thông tuệ không thể sai lầm – do đấng này chẳng có một cơ quan vật chất nào để tạo ra tư tưởng của *con người*, vì đó là phân thân thuần túy siêu tinh vi của bản thân đấng thiêng liêng cao nhất (“Ngôi Cha” của Plato) – cho nên ngay từ khi khai thiên lập địa nó đã tuân theo những định luật bất di bất dịch để triển khai ra cấu trúc tinh linh ngũ hành cần thiết cho những thể hệ sau này của điều mà ta gọi là các giống người. Mọi giống người cho dù thuộc về hành tinh này hay một hành tinh khác của vô vàn hành tinh trong không gian đều có những cơ thể trần tục được triển khai ra trong cái khuôn làm bằng cơ thể của một lớp nào đó các tinh linh ngũ hành vốn vừa mới chết đi trong thế giới vô hình để chuyển kiếp sang cõi hữu hình. Trong triết học của cổ nhân, không có một mắt xích nào còn thiếu cần phải được cung ứng bằng điều mà Tyndall gọi là “óc tưởng tượng có giáo dục”; không có một khe hở nào cần phải được lấp đầy bằng cả bộ sách suy đoán duy vật đậm ra cần thiết cho cái toan tính phi lý muốn giải một phương trình chỉ bằng vào một tập hợp các lượng số; tổ tiên “dốt nát” của chúng ta truy nguyên được định luật tiến hóa xuyên suốt toàn thể vũ trụ. Cũng giống như qui tắc có giá trị khi dần dần tiến từ một tinh vân cho tới lúc phát triển nên thể xác của một con người, cũng vậy họ truy nguyên được một chuỗi liên tục các thực thể từ chất ether vũ trụ cho tới khi tinh thần con người đã nhập thể. Những sự tiến hóa này xuất phát từ thế giới tinh thần nhập vào thế giới vật chất thô trước rồi băng qua thế giới đó để lại trở về cội nguồn của vạn vật. Đối với họ, “dòng dõi của các chủng loại” là việc giáng từ tinh thần (cội nguồn bản sơ của vạn vật) xuống tới “sự thoái hóa nơi vật chất”. Các thực thể tâm linh, tinh linh ngũ hành này có một vị trí riêng biệt trong cái chuỗi dây xích tiến hóa này, lưng chừng giữa hai cực đoan cũng giống như mắt xích còn thiếu của ông Darwin giữa loài khỉ và loài người.

Trong thế giới văn chương, không có một tác giả nào mô tả trung thực hoặc thi vị về các thực thể này nhiều hơn là ngài E. Bulwer Lytton tác giả của quyển *Zanoni*. Thế mà bản thân ông là “một chuyện không quan trọng”, song đó là một “ý tưởng về niềm vui và ánh sáng”, lời lẽ của ông nghe giống như tiếng vọng trung thực của ký ức hơn là sự lai láng trào dâng của chỉ óc tưởng tượng.

Ông để cho nhà minh triết Mejnour nói với Glyndon như sau: “Con người càng dốt nát thì lại càng ngạo mạn”. Trong nhiều thời đại, y thấy vô số thế giới lấp lánh qua không gian giống như những bọt trong đại dương không bờ bến, chỉ là những ngọn nến nhỏ nhỏ . . . mà Thiên hựu đã bằng lòng thắp sáng lên chẳng có mục đích gì khác hơn là khiến cho ban đêm dễ chịu hơn đối với con người. . . Thiên văn học đã chinh lại cái ảo tưởng hiểu danh này của loài người và giờ đây

con người miễn cưỡng thú nhận rằng các ngôi sao là những thế giới rộng lớn hơn và vinh diệu hơn thế giới của chính mình . . . Thế là ở bất cứ nơi đâu trong bản thiết kế bao la này, khoa học đều thổi một nguồn sống mới vào trong ánh sáng . . . Vậy là nếu lý luận bằng phép tương tự hiển nhiên, nếu không có một cái lá, nếu không có một giọt nước mà chỉ hơn một ngôi sao đặng xa kia, một thế giới đang sống động và có thể ở được – thậm chí nếu ngay cả chính con người cũng là một thế giới đối với các sinh linh khác, có hàng triệu, hàng tỉ sinh linh bị bõm trong dòng sông máu của y và ở trong bộ khung của con người cũng như ở trên trái đất – thì óc phân biện phải trái bình thường (nếu các nhà kinh viện có óc ấy) cũng đủ dạy cho ta biết rằng cái khoảng bao xung quanh vô tận mà ta gọi là không gian – điều vô biên vô hình phân chia trái đất ra cách xa mặt trăng và các ngôi sao – cũng chứa đầy sự sống thích đáng tương ứng. Rõ ràng đâu có gì là phi lý khi giả định rằng sự tồn tại lại lúc nhúc trên mọi chiếc lá, thế nhưng lại vắng mặt trong không gian bao la! Định luật của hệ thống lớn cấm ta không được phạm ngay cả chỉ một nguyên tử; nó chẳng biết có một nơi nào mà không có một điều gì đó sống động, hít thở . . . Được thôi, vậy thì bạn có thể quan niệm ra được không gian vốn vô biên lại chỉ là một thứ lãng phí dư thừa, chẳng có sự sống, chẳng hữu ích gì cho bản thiết kế duy nhất về tồn tại vũ trụ. . . nhiều hơn mức một cái lá có cư dân trên đó, một quả cầu nhun nhúc tinh linh? Kính hiển vi cho ta thấy trên chiếc lá có rất nhiều tạo vật; *người ta chưa phát minh ra được cái ống cơ khí nào để khám phá ra những sự vật cao quý hơn và có nhiều năng lực hơn vốn lờn vờn trong bầu không khí vô biên.* Thế nhưng giữa con người và những tạo vật này có một *ái lực* rất bí nhiệm và *khủng khiếp*. . . Nhưng trước hết linh hồn phải được tẩy trừ khỏi mọi ham muốn trần tục thì mới xuyên thấu qua được hàng rào ngăn cách này; linh hồn mà bạn lắng nghe nói phải được làm cho mẫn tiệp bằng lòng nhiệt thành sốt sắng . . . Khi bạn đã dọn mình như thế thì khoa học có thể trợ giúp được cho bạn; bản thân thị giác có thể trở nên tinh vi hơn, các dây thần kinh mẫn tiệp hơn, tinh thần linh hoạt hướng ngoại hơn và chính nguyên tố ngũ hành – không khí, không gian – có thể được làm cho rành rành hơn và trong suốt hơn bằng một vài bí quyết của hóa học cao cấp. Và điều này cũng không phải là *pháp thuật* như kẻ cả tin gọi thế; như ta đã thường nói trước kia, *pháp thuật* (với vai trò là một khoa học vi phạm định luật thiên nhiên) không hề tồn tại; *pháp thuật chẳng qua chỉ là khoa học giúp ta kiểm soát được thiên nhiên.* Thế mà trong không gian có cả triệu sinh linh, *theo sát nghĩa không mang tính cách tâm linh*, vì chúng đều giống như những con thú nhỏ mà mắt phàm ta không thấy được, đó là một vài dạng vật chất, mặc dù vật chất tế nhị, loãng như không khí và tinh vi đến nỗi có thể nói đó chỉ là một lớp phim, một lớp màng nhện mà tinh thần khoác lấy . . . Thế nhưng thật ra thì các chủng loại này khác nhau rất nhiều . . . một số có minh triết tuyệt vời, một số đầy ác ý khủng khiếp; một số thù nghịch với con người giống như yêu tinh, một số dịu dàng như các thiên sứ giữa trời và đất . . . Trong số đó thì ma vương nghiệp chướng là thứ vượt trội về ác ý và sự thù ghét hơn hết so với bộ tộc của mình; ma lực của mắt y làm cho kẻ can đảm nhất cũng phải bủn rủn tay chân và y có quyền năng chế ngự được tinh thần con người tỉ lệ chính xác với mức độ sợ hãi của con người^[1].

Đây là sự phác họa không đầy đủ về tinh linh ngũ hành không có tinh thần thiêng liêng do một người trình bày mà ta có nhiều lý do để tin rằng ông biết nhiều hơn mức ông sẵn sàng thừa nhận trước mặt công chúng không chịu tin.

Trong chương sau đây, ta sẽ trừ tính giải thích một số điều suy đoán bí truyền của các điểm đạo đồ trong thánh điện về việc con người đã, đang và có

[1] Bulwer Lytton, tác phẩm "Zanoni".

thể sẽ ra sao. Giáo lý mà các ngài giảng dạy trong các Bí pháp – là cội nguồn phát sinh ra Cựu Ước và một phần Tân Ước, nó thuộc những ý niệm cao siêu nhất về đạo đức và sự *khải huyền* tôn giáo. Trong khi người ta bỏ mặc việc giải thích theo nghĩa đen cho sự cuồng tín của giai cấp hạ lưu thiếu lý trí trong xã hội thì các giai cấp cao siêu hơn, đa số bao gồm các *Điểm đạo* đổ lại theo đuổi nghiên cứu trong sự tịch lặng, trang nghiêm của các đền thờ vốn chỉ thờ phụng một đấng Thượng Đế *duy nhất* trên Trời.

Các suy đoán của Plato trong tác phẩm *Bữa Tiệc* bàn về sự sáng tạo ra những con người nguyên thủy và phần tiểu luận về Khởi nguyên vũ trụ trong tác phẩm *Timæus* phải được xét theo tính cách ẩn dụ, nếu ta có chấp nhận chúng. Chính ý nghĩa ẩn tàng này của Pythagoras trong tác phẩm *Timæus*, *Crytalus* và *Parmenides* cùng với một vài tam bộ luận và đối thoại khác đã được các môn đồ Tân Plato đánh bạo xiển dương trong chừng mực mà lời thề thông thần giữa bí mật cho phép. Giáo lý của Pythagoras theo đó *Thượng Đế là trí tuệ vũ trụ bàng bạc xuyên suốt vạn vật*, cũng như tính giáo điều về tính bất tử của linh hồn là những đặc điểm nổi bật trong các giáo huấn xét theo biểu kiến là không thích đáng này. Lòng một đạo và sự sùng tín mà Plato dành cho các BÍ PHÁP cũng đủ bảo đảm việc ông để cho sự bép xép của mình thẳng lướt được cái ý thức trách nhiệm sâu sắc mà mọi cao đồ đều cảm nhận. Trong tác phẩm *Phædrus* ^[1] ông có nói: “Kẻ nào thường xuyên tự hoàn thiện mình nơi các BÍ PHÁP hoàn hảo thì chỉ kẻ đó mới trở nên thực sự toàn bích”.

Ông chẳng mất công che giấu sự khó chịu của mình khi các Bí pháp trở nên ít bí mật hơn trước kia. Thay vì làm chúng bại hoại bằng cách hạ thấp chúng vừa tầm với của đại chúng, ông lại bo bo giữ kỹ chúng không cho mọi người biết ngoại trừ các môn đồ tha thiết nhất và xứng đáng nhất ^[2]. Trong khi ông đề cập tới chư thần linh, thì bất cứ trang sách nào ta cũng không nghi vấn được thuyết nhất thần của ông, vì trọn cả sợi chỉ xuyên suốt bản luận văn của ông biểu thị rằng ông dùng từ ngữ *chư thần* để chỉ một lớp tinh linh thấp kém hơn chư thần trên thang tiến hóa và chỉ cao hơn loài người một cấp. Ngay cả Josephus cũng nhận thức và nhận ra được sự kiện này, mặc dù giống dân của ông tự nhên là có thành kiến. Trong phần đả kích nổi tiếng về Apion, sử gia này bảo rằng ^[3]: “Tuy nhiên trong số những người Hi Lạp triết lý *phù hợp với sự thật* đâu phải không có những người chẳng biết gì . . . Họ cũng đâu phải không nhận ra được rằng sự hời hợt lạnh lùng trong các ẩn dụ thần thoại, chính vì vậy mà họ mới khinh thường các thần thoại theo đúng lẽ . . . Vì thế Plato xúc động mạnh nên bảo rằng không cần phải nhận bất cứ người nào trong các thi sĩ vào ‘Khối thịnh vượng chung’; ông nhã nhặn *bác bỏ Homere* sau khi đã tôn vinh ông ta và xúc dầu cho ông ta để cho ông ta thật sự không dùng các *thần thoại* của mình để *đẹp bỏ đức tin chính thống về Thượng Đế duy nhất*”.

Những người nào có thể phân biệt được tinh thần chân chính của triết học Plato ắt khó lòng thỏa mãn với sự đánh giá Plato mà Jowett đã trình bày với bạn đọc. Ông bảo rằng *Timæus* gây ảnh hưởng lên được hậu thế phần nào là do các môn đồ Tân Plato hiểu lầm giáo lý của tác giả. Ông khiến ta tin rằng những ý

^[1] Cory, tác phẩm “Phædrus”, I, trang 328.

^[2] Khẳng định này được chính Plato bổ chứng, ông bảo rằng: “Bạn cho rằng trong bài thuyết trình trước kia, tôi đã giải thích cho bạn chưa đủ về bản chất của *Điều Bản Sơ*, tôi cố tình nói theo kiểu đánh đố để cho trong trường hợp bảng biểu ấy xuất hiện do tình cờ gặp sự cố ở nơi đất liền hoặc biển cả, thì kẻ nào *chưa có kiến thức trước đó về đề tài này ắt không thể hiểu được nội dung của nó*”. (“Plato”, Bức thư II, trang 312; Cory: “Các Mảnh vụn Cổ truyền”.

^[3] “Josephus chống lại Apion”, ii, trang 1079.

nghĩa ẩn tàng mà họ tìm thấy trong tác phẩm *Đối Thoại* là “hoàn toàn khác với tinh thần Plato”. Điều này tương đương với việc giả định rằng Jowett hiểu cái thần ấy thật sự là gì; trong khi sự phê phán của ông về đề tài đặc thù này thật ra lại cho thấy rằng ông tuyệt nhiên không thâm nhập được vào cái thần ấy. Nếu theo như ông bảo ta, các Ki Tô hữu dường như tìm thấy trong tác phẩm của ông tam vị nhất thể, ngôi lời, giáo hội và sự sáng tạo ra thế giới theo nghĩa Do Thái, thì đó là vì tất cả đã sẵn có, do đó họ tìm thấy nó thì cũng tự nhiên thôi. Cái kết cấu bên ngoài thì giống nhau nhưng cái thần làm linh hoạt nghĩa đen trong giáo huấn của triết gia ấy đã biến đâu mất rồi và chúng ta ắt hoài công mưu tìm nó qua những giáo điều khô khan trong thần học Ki Tô. Bây giờ thì con Nhân sư cũng giống hệt như nó vào lúc bốn thế kỷ trước Công nguyên; như Ædipus không còn nữa. Y đã bị giết chết vì y ban ra cho thế giới điều mà thế giới chưa đủ chín muồi để tiếp nhận. Y là hiện thân của chân lý và y phải chết giống như mọi sự thật vĩ đại phải được chết trước khi nó hồi sinh từ đống tro tàn giống như con Phượng hoàng thời xưa. Mọi người dịch tác phẩm của Plato đều nhận thấy triết lý của các nhà nội môn bí giáo giống giáo lý Ki Tô một cách kỳ lạ và mỗi người cố gắng thuyết giải điều này theo những cảm xúc tôn giáo của riêng mình. Thế là Cory trong tác phẩm *Các Mảnh vụn Cổ truyền* ra sức chứng tỏ rằng đó chẳng qua là chỉ giống nhau bề ngoài, và ông làm hết sức mình để hạ bệ sự ngưỡng mộ của công chúng đối với Đơn nguyên của Pythagoras và đề cao đẳng thiêng liêng nhân hình sau này dựa trên những tàn tích cũ. Khi ủng hộ Pythagoras thì Taylor đã hành động không khác sáo với Thượng Đế theo thánh Moses. Zeller can đảm cười nhạo các cao vọng của những Đức Cha trong Giáo hội; bất chấp lịch sử và niên đại học, và chẳng cần biết thiên hạ có muốn hay không, các Đức Cha vẫn khẳng khẳng cho rằng Plato và trường phái của ông đã trộm cướp những đặc điểm nổi bật trong Ki Tô giáo. May cho chúng ta cũng như không may cho Giáo hội La Mã khi cái trò xảo thuật đó mà Eusebius cần cầu viện tới thì lại khá ư là khó khăn trong thế kỷ hiện nay. Vào thời Giám mục Cæsarea, người ta dễ xuyên tạc niên đại học “để có được sự đồng bộ hơn” là so với thời nay và trong khi lịch sử vẫn còn đầy thì ai mà chẳng biết Plato đã sống 600 năm trước khi Irenæus mưu tính lập nên một học thuyết mới dựa trên những tàn tích của Học viện Plato xưa cũ hơn.

Giáo lý về Thượng Đế cho rằng ngài là trí tuệ vũ trụ bàng bạc xuyên suốt vạn vật vốn là nền tảng của mọi triết lý thời xưa. Ta không bao giờ có thể hiểu rõ hơn về các tín điều Phật giáo nếu không nghiên cứu triết học Pythagoras (vốn là sự phản ánh trung thực của các tín điều Phật giáo); các giáo điều này cũng thoát thai từ cội nguồn ấy giống Bà la môn giáo và Ki Tô giáo thời sơ khai. Quá trình tẩy trừ bằng chuyển kiếp – đầu thai – cho dù đã bị nhân hình hóa một cách thô thiển vào thời kỳ sau này thì chỉ nên được coi là một giáo lý bổ sung đã bị phép ngụy biện của thần học xuyên tạc với mục đích nắm chắc hơn tín đồ thông qua một điều mê tín dị đoan bình dân. Cả Đức Phật Thích Ca lẫn Pythagoras đều không dự tính giảng dạy ẩn dụ thuần túy siêu hình này *theo nghĩa đen*. Xét về mặt bí truyền thì nó được giải thích trong “điều Bí nhiệm” về *Kounboum* ^[1] và có liên quan tới cuộc hành hương thuần túy tâm linh của hồn người. Các học giả chẳng hi vọng gì tìm ra được giải pháp chân chính cho những điều tế nhị trong siêu hình học dựa theo nghĩa đen trong pho kinh điển Phật giáo. Những điều tinh tế siêu hình này làm mất mọi khả năng tư tưởng do việc nghiên ngẫm nó đòi hỏi mức độ thâm thúy không thể tưởng tượng nổi; và khi môn sinh tự tin rằng mình đang tiến gần nhất tới mức khám phá thì y lại xa sự thật hơn bao giờ hết. Ta có

^[1] Xem Chương IX, trang 302.

thể thấu triệt được mọi giáo lý trong hệ thống Phật giáo gây rối trí bằng cách tiến hành theo đúng phương pháp của Pythagoras và Plato, nghĩa là đi từ cái chung đến cái riêng, từ điều phổ quát tới điều đặc thù. Bí quyết của nó vốn ở nơi những tín điều thần bí tinh vi về sự lưu nhập tâm linh của sự sống thiêng liêng. Đức Phật có dạy: “Kẻ nào chưa quen thuộc với giáo lý của ta mà đã bỏ xác thì phải trở lại trần thế cho tới khi trở thành một Sa môn toàn bích. Để đạt mục tiêu này, y phải diệt được ba khía cạnh của *Hảo huyền* nơi bản thân mình ^[1]. Y phải diệt dục, hiệp nhất và đồng nhất hóa mình với Chánh pháp (giáo huấn trong Giáo lý bí nhiệm) và hiểu thấu được tôn giáo về *sự tịch diệt*.”

Ở đây sự tịch diệt chỉ nhằm nói tới *vật chất* của cả thể hữu hình lẫn thể vô hình; vì anh hồn vẫn còn là vật chất cho dù tinh vi đến đâu đi nữa. Cũng tác phẩm ấy cho biết rằng Đức Phật ngụ ý muốn nói gì khi đề cập tới “chất bản sơ vốn vĩnh hằng và thường trụ”. Sự khải huyền cao nhất của nó là chất ether sáng chói, thuần khiết, tức không gian vô biên, vô tận, không phải là hư không do thiếu vắng các hình tướng mà ngược lại là *nền tảng của mọi hình tướng* và có trước các hình tướng. “Nhưng chính sự hiện diện của các *hình tướng* cho thấy đó là sự tạo tác của *Hảo huyền Maya* và mọi trò ảo hóa của Maya chẳng là gì đứng trước thực tại *không ai sinh ra* tức TINH THẦN mà mọi sự vận động phải mãi mãi chấm dứt nơi sự an nghỉ linh thiêng và thâm thúy của nó”.

Như vậy, đối với triết học Phật giáo thì *tịch diệt* chỉ có nghĩa là vật chất tàn mác đi, cho dù nó có thể ở trong hình tướng hoặc dáng vẻ *giống* hình tướng nào đi chăng nữa; bởi vì vạn vật mà có hình tướng thì đều được tạo ra do đó nó sớm muộn gì cũng phải bị tiêu diệt, nghĩa là thay đổi hình tướng; vì vậy giống như bất cứ điều gì tạm bợ mặc dù có vẻ thường trụ, nó chẳng qua chỉ là Hảo huyền, Maya; đó là vì thời gian vĩnh hằng vốn vô thủy vô chung cho nên kỳ gian ít nhiều kéo dài của một hình tướng đặc thù nào đó có thể nói là qua đi giống như một tia chớp lóe trong khoảnh khắc. Trước khi ta có thời gian nhận thức được mình vừa mới nhìn thấy nó thì nó đã đi mất biệt mãi mãi rồi; vì thế cho nên ngay cả các thể tinh vi của ta bằng chất ether thuần túy, chẳng qua cũng chỉ là hảo huyền của vật chất, chừng nào chúng vẫn còn giữ lại cái hình thức trần tục của mình. Các Phật tử bảo rằng phạm tướng này thay đổi theo phước và tội của người ta trong lúc sinh thời và đây chính là sự đầu thai chuyển kiếp. Khi *thực thể* tâm linh mãi mãi tách ra khỏi hạt vật chất thì chỉ lúc đó nó mới nhập vào Niết Bàn vĩnh hằng thường trụ. Y tồn tại nơi tinh thần, nơi *chân không*, với vai trò là một hình tướng, một hình thể, một dáng vẻ, y đã hoàn toàn bị *tiêu diệt*, thế là y chẳng còn chết nữa vì chỉ có tinh thần mới không phải là *Maya* mà là THỰC TẠI duy nhất trong cái vũ trụ hảo huyền bao gồm các hình tướng vô thường này.

Những tín điều chính yếu của triết học Pythagoras vốn dựa trên giáo lý này của Phật giáo. Các môn đồ Pythagoras thắc mắc: “Chẳng biết cái tinh thần vốn mang lại sự sống và sự vận động, vốn tham gia vào bản chất của ánh sáng, liệu nó có bị rút gọn ta thành phi thực thể chẳng? Liệu cái tinh thần nhạy cảm nơi những con thú vốn vận dụng được trí nhớ (một trong các quan năng thuần lý) có thể chết đi và chẳng còn là gì nữa chẳng?” Và Whitelock Bulstrode trong khi bênh vực cho Pythagoras rất tài tình đã xiển dương học thuyết này bằng cách nói thêm rằng: “Nếu bạn bảo rằng những con thú phà chân linh của mình vào trong không khí và nó biến mất trong đó thì tôi nhất định tranh cãi điều này. Thật ra thì theo Laertius, không khí là nơi thích hợp để tiếp nhận các chơn linh và nó chứa đầy

[1] “Điều Hảo huyền là vật chất biểu lộ ra ba mặt nơi trần thế, là hồn tinh anh tức hồn nguyên thủy, hoặc thể xác và hồn lưỡng tính của môn đồ Plato, tức là hồn có lý tính và hồn phi lý tính”, xem chương kế tiếp.

linh hồn; còn theo Epicurus thì không khí chứa đầy nguyên tử vốn là nguyên thể của vạn vật; đó là vì ngay cả nơi mà ta bước trong đó và chim bay trong đó cũng có nhiều bản chất tâm linh đến nỗi ta chẳng thấy được nó, và vì vậy nó có thể tiếp nhận được các hình tướng, vì hình tướng của mọi cơ thể vốn như thế; ta chỉ có thể nhìn thấy và nghe thấy được những hậu quả của nó; bản thân không khí vốn quá tinh vi và vượt trên năng lực của thời đại. Thế còn cái chất ether nơi cõi cao thì sao và đâu là những ảnh hưởng hoặc hình tướng từ đó giáng xuống đây?" Môn đồ Pythagoras cho rằng *chơn linh* của các tạo vật vốn là phân thân của những bộ phận tinh vi nhất của chất ether, là phân thân, là THẦN KHÍ, *nhưng không phải là hình tướng*. Mọi triết gia đều nhất trí rằng chất ether vốn bất hoại và điều gì vốn bất hoại thì *đâu có bị tiêu diệt* khi nó tách rời ra khỏi *hình tướng*, cho nên nó mới xứng danh là BẤT TỬ. Các Phật tử thắc mắc: "Nhưng điều vốn không có hình thể, không có *hình tướng*, không cân đong đo đếm được, không nhìn thấy được và không phân chia ra được, liệu điều đó có *tồn tại hay chẳng?*" Xin đáp rằng "đó chính là Niết Bàn". Nó là CHẤM KHÔNG, không phải là một cõi mà nói cho đúng ra là một trạng thái. Một khi đã đạt tới Niết Bàn thì con người thoát khỏi những hậu quả của "Tứ Đế", vì hậu quả chỉ được tạo ra do có một nguyên nhân nào đó, thế mà mọi nguyên nhân đều bị *diệt vong* trong trạng thái này.

"Tứ Diệu Đế" là nền tảng của toàn bộ giáo lý Phật giáo về Niết Bàn. *Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh* ^[1] dạy rằng đó là 1. Khổ Đế, tức sự tồn tại của đau khổ, 2. Tập Đế, tức việc tạo ra đau khổ, 3. Diệt Đế, tức việc tiêu diệt đau khổ, 4. Đạo Đế, tức con đường để diệt khổ. Nguồn gốc của đau khổ ở đây mà ra? – Do sự Tồn tại. Do Sinh ra tồn tại, rồi nối tiếp mới có Lão, Bệnh và Tử; vì ở bất cứ nơi đâu có hình tướng thì ở đó có *nguyên nhân* của sự đau khổ và đau đớn. Chỉ *Tinh thần* mới không có hình tướng, vì vậy ta mới *có thể nói là nó không tồn tại*. Bất cứ khi nào chơn nhơn (con người tinh anh trong nội giới) đạt tới mức trở nên cực độ tâm linh do đó vô sắc tướng, thì y mới đạt tới trạng thái cực lạc. PHẠM NHƠN với tư cách một thực thể nơi ngoại giới đã bị tiêu diệt, nhưng thực thể tâm linh với cuộc sống nội giới sẽ sống đời đời, vì tinh thần vốn bất hoại và bất tử.

Chúng ta có thể dễ dàng nhận ra được sự đồng nhất của hai học thuyết dựa vào cái thần trong giáo huấn của cả Đức Phật lẫn Pythagoras. Hồn thể giới thấm nhuần vạn vật, tức *Anima Mundi*, chính là Niết Bàn; còn Phật trên cương vị một tôn danh chung chính là *đơn nguyên* của Pythagoras đã được nhân cách hóa. Khi an dưỡng nơi Niết Bàn tức cực lạc tối hậu; Phật chính là đơn nguyên chơn thần tịch tịnh, ngự trong u minh và tịch lặng; Phật cũng là Brahman vô hình, Đấng thiêng liêng cao cả nhưng ta *không thể biết được*, ngài thấm nhuần trọn cả vũ trụ mà chẳng ai thấy. Bất cứ khi nào ngài biểu hiện ra vì muốn gây ấn tượng cho loài người dưới một hình dạng mà trí năng của ta có thể hiểu được thì ta gọi đó là một *hóa thân*, tức một Thánh vương Cứu thế, tức một *phân thân* của Tinh thần Thiêng liêng, *Ngôi Lời*, Kì Tô, đó chẳng qua chỉ là cùng một thứ. Trong mỗi trường hợp thì "Ngôi Cha" ngự trong *Ngôi Con* và Ngôi Con cũng ở nơi "Ngôi Cha". Tinh thần bất tử phù hộ cho phàm nhân hữu hoại. Nó nhập vào con người, thấm nhuần trọn cả bản thể của y, biến y thành một thần linh và giáng xuống cái đèn thờ tạm trần tục này. Giáo lý dạy rằng mọi người đều có thể thành Phật. Và thế là trong suốt hàng dãy thời đại vô tận, ta thấy thỉnh thoảng có những người ít nhiều thành công trong việc *hiệp nhất* "với Thượng Đế" (tạm gọi như vậy). Còn chúng tôi xin mạn phép dịch là hiệp nhất với *tinh thần của chính mình*. Các Phật tử tôn xưng những vị đó là *La hán*. La hán là cấp kể Phật, không ai bì kịp ngài về

[1] "Minh Triết Toàn Bích".

khoa học *tiếp diễn* tức các thần thông *phép lạ*. Một vị fakir đã minh chứng rõ cho thuyết này về mặt thực hành như Jacolliot đã chứng tỏ.

Ngay cả cái gọi là những chuyện *hoang đường* trong một số kinh sách Phật giáo, nếu tước bỏ đi ý nghĩa ẩn dụ, thì cũng té ra là giáo lý bí nhiệm mà Pythagoras đã giảng dạy. Trong kinh tạng Nam phạn có Bốn sanh truyện, *Jutakās*, trình bày 550 kiếp đầu thai của Đức Phật. Chúng tường thuật ngài đã xuất thân như thế nào trong mọi dạng đời sống động vật và làm linh hoạt mọi chúng hữu tình trên trần thế từ con côn trùng nhỏ xíu cho tới con chim, con thú và cuối cùng là con người, hình ảnh tiểu vũ trụ của Thượng Đế trên trần thế. Nếu phải xét theo *nghĩa đen* thì nó ngụ ý mô tả việc cùng một tinh thần thiêng liêng bất tử cá biệt thật sự tồn tại và chuyển hóa lần lượt làm linh hoạt mọi loại chúng hữu tình hay sao? Đúng hơn ta nên hiểu theo các nhà siêu hình học Phật giáo rằng mặc dù tinh thần cá biệt của con người có vô số, nhưng xét theo tập thể thì chúng chỉ là một, giống như mọi giọt nước lấy ra từ đại dương (nói theo bóng gió) có thể tồn tại cá biệt, thế nhưng vẫn là một với các giọt nước còn lại hợp thành đại dương; cũng thế, mọi tinh thần của con người đều là một điểm lấp lánh trong ánh sáng duy nhất thẩm nhuận tất cả? Phải chăng tinh thần thiêng liêng ấy làm linh hoạt đá hoa, hạt đá hoa cương trên sườn núi, con sư tử, con người? Các bậc Đạo trưởng Ai Cập cũng như môn đồ Bà la môn và Phật tử ở phương Đông cùng với một số triết gia Hi Lạp thoát đầu chủ trương rằng tinh thần làm linh hoạt hạt bụi, ẩn tàng bên trong hạt bụi, cũng lại làm linh hoạt con người và biểu lộ nơi y qua trạng thái hoạt động cao siêu nhất. Giáo lý đó cũng dạy *linh hồn* con người sẽ dần dần dung hợp trở lại vào bản thể của tinh thần tổ phụ nguyên sơ vốn lúc nào cũng mang tính đại đồng vũ trụ. Nhưng giáo lý chưa bao giờ hàm ý là chơn ngã tâm linh bị tiêu diệt mà chỉ có *sự tản mạn các hình tướng bên ngoài* của con người sau khi y đã chết trên cõi trần cũng như khi y đang tại thế. Còn ai thích hợp hơn để truyền thụ cho ta những điều bí mật về bên kia cửa tử (mà người ta đã sai lầm nghĩ rằng không thể thâm nhập được) hơn là những người nhờ kỷ luật tự giác, sống một cuộc đời có chủ đích thanh khiết, đã thành công hiệp nhất với "Thượng Đế" của mình và được thoáng thấy *một số điều* về chân lý vĩ đại cho dù nó bất toàn đến đâu đi chăng nữa ^[1]. Các nhà thấu thị này kể cho ta những câu chuyện kỳ lạ về *đủ loại* hình tướng mà các anh hồn đã thoát xác khoắc lẩy; những hình tướng này là phản ảnh cụ thể (mặc dù mang tính chất tâm linh) của trạng thái tâm trí trừu tượng, và tư tưởng của con người đã từng tại thế.

Thật là phi lý khi buộc tội triết học Phật giáo là bác bỏ một Đấng Tối Cao tức Thượng Đế, bác bỏ tính bất tử của linh hồn (tóm lại là vô thần) dựa trên cơ sở theo giáo lý Phật giáo thì Niết Bàn nghĩa là *tịch diệt*, còn *Chơn như* KHÔNG PHẢI là *một người mà là hư vô*. Từ ngữ *En* (tức Ayin) trong thuật ngữ En Soph của Do Thái giáo cũng có nghĩa là *hư vô* tức *không phải là vật gì hết*, không tồn tại; thế nhưng có ai dám khinh thị Do Thái giáo là vô thần đâu. Trong cả hai trường hợp thì chân ý nghĩa của thuật ngữ *hư không* truyền thụ ý niệm Thượng Đế *không phải là một sự vật*, không phải là một Đấng cụ thể hoặc hữu hình và ta không thể áp dụng đúng đắn cho Ngài một hồng danh diễn tả bất cứ sự vật nào mà ta biết trên trần thế.

^[1] Porphyry tin rằng Plotinus (thầy của mình) đã hiệp nhất với "Thượng Đế" sáu lần trong buổi sinh thời và phàn nàn bản thân mình chỉ hai lần đạt tới mức đó.